

I. Nội dung ôn tập

1. Đại số

- Quy tắc nhân đa thức, các HĐT đáng nhớ, các pp phân tích đa thức thành nhân tử

2. Hình học

- Tứ giác, hình thang, hình thang cân, hình bình hành, đường TB của tam giác, hình thang, đối xứng trục

II. Một số bài tập cụ thể

A. Đại số

Dạng 1. Thực hiện phép tính

Bài 1. Thực hiện phép tính:

a) $5x^2(3x + 7)$

b) $4x(3x^2 + 5x - 6)$

c) $(x + y)(x - 2y)$

d) $(x - 5)(-x^2 + x + 1)$

e) $(x^2 - 3x + 9)(x + 3)$

f) $(4x + 2y)(4x - 2y)$

Bài 2. Rút gọn các biểu thức sau:

a) $3x^2 - 2x(5 + 1,5x) + 10$

b) $(2x - 3)(x + 7) - 2x(x + 5) - x$

c) $(x + 3)(x - 3) - (x - 5)(x + 2)$

d) $(x - 1)^2 - (x + 2)(x - 2)$

e) $(x + 2)(x^2 - 2x + 4) - x(x^2 + 2)$

f) $(x + 2y)^3 - 6xy(x + 2y)$

g) $(2x + 3)^2 + (2x - 3)^2 - 2(4x^2 - 9)$

h) $3(2x - 1)(2x + 5) - (4x - 1)(3x - 2)$

Dạng 2. Phân tích đa thức thành nhân tử

a) $9x - 15y$

b) $5x^2 - 25xy + 10y^2$

c) $4x(a + b) + 3y(a + b)$

d) $5a(x - y) + 2b(y - x)$

e) $x^2 - 25$

f) $(2x - 5)^2 - 64$

g) $27x^3 + 125y^3$

h) $8x^3 - y^3 - 6xy(2x - y)$

k) $x^2 - xy + 5x - 5y$

m) $2x^2 - x - 6xy + 3y$

n) $x^2 + 2xy + y^2 - 25$

o) $3x^2 - 3xy - 5x + 5y$

i) $3x^3 - 75$

u) $5x^2y - 30xy^2 + 45y^3$

s) $x^2 + 5x + 6$

t) $x^2 - 4x + 3$

Dạng 3. Tìm x

a) $5(2x - 1) - 4(8 - 3x) = 7$

b) $5(x - 3) + 7 = 3x + 11$

c) $(x + 8)(x + 6) - x^2 = 104$

d) $(2x + 1)^2 - 4(x + 2)^2 = 9$

e) $(x - 2)^3 - x(x + 1)(x - 1) + 6x^2 = 5$

f) $3x^2 - 6x = 0$

e) $x^2 - 25 = 0$

f) $12x(3 - 4x) + 7(4x - 3) = 0$

g) $2(x + 5) - x^2 - 5x = 0$

h) $3x^2 - 5x - 2 = 0$

B. Hình học

Bài 1. Cho tam giác ABC ($AB < AC$), đường cao AH. Gọi D, E, F lần lượt là trung điểm của các cạnh AB, AC, BC

a) Chứng minh tứ giác BDEF là hình bình hành.

b) Chứng minh tứ giác EFHD là hình thang cân.

c) Biết $B = 60^\circ$, tính các góc của tứ giác EFHD.

Bài 2. Cho tam giác ABC có D là trung điểm của BC. Qua D kẻ $DE \parallel AC$ ($E \in AB$)

- Chứng minh E là trung điểm của AB. Từ đó suy ra $AC = 2DE$
- Lấy F đối xứng với D qua E. Chứng minh tứ giác ACDF là hình bình hành.
- Vẽ điểm Q đối xứng với C qua A. Chứng minh Q đối xứng với B qua F
- Gọi M là trung điểm của AD, DQ cắt AB tại I. Chứng minh F, M, I thẳng hàng.

Bài 3. Cho hình bình hành ABCD ($AB > AD$). Qua A kẻ đường thẳng vuông góc với BD tại E, cắt CD tại I. Qua C kẻ đường thẳng vuông góc với BD tại F, cắt AB tại K.

- Tứ giác AKCI là hình gì? Vì sao?
- Chứng minh $AF \parallel CE$
- Chứng minh ba đường thẳng AC, EF, KI đồng quy

Bài 4. Cho hình bình hành ABCD có $BC = 2AB$. Gọi M, N theo thứ tự là trung điểm của BC, AD.

- Chứng minh tứ giác MNDC là hình bình hành.
- Kẻ DE vuông góc với AB tại E, DE cắt MN tại F. Chứng minh F là trung điểm của DE
- Chứng minh $ABC = 2BEM$.

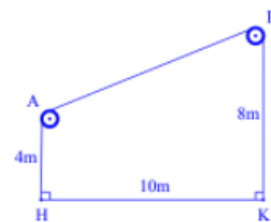
Bài 5. Cho tam giác ABC có E là trung điểm của AC. Kẻ $ED \parallel AB$ ($D \in BC$), $EF \parallel BC$ ($F \in AB$)

- Chứng minh tứ giác BDEF là hình bình hành và D là trung điểm của BC.
- Gọi H đối xứng với D qua E. Chứng minh $HB \parallel AD$
- Gọi I là trung điểm của HB, K là giao điểm của AD và EF. C/m I, K, E thẳng hàng.
- Tam giác ABC có thêm điều kiện gì để $HF = AB/2$.

C. Các bài toán thực tế

Bài 1. Nhà bạn Minh và bạn An cùng trồng bắp cải trên hai mảnh vườn hình vuông khác nhau. Các cây bắp cải được trồng cách đều nhau. Do vườn nhà bạn Minh lớn hơn nên số cây bắp cải nhà Minh trồng được nhiều hơn số cây bắp cải nhà An trồng là 211 cây. Tính số bắp cải nhà bạn Minh đã trồng?

Bài 2. Giữa hai tòa nhà có một nhà máy, người ta xây dựng một băng chuyền để chuyển vật liệu như hình vẽ. Khoảng cách giữa hai tòa nhà là 10m, hai vòng quay của băng chuyền được đặt ở độ cao 8m và 4m so với mặt đất. Tính độ dài băng chuyền



A. HỆ THỐNG BÀI HỌC:

I. VĂN BẢN :

1. Nội dung:

- Tôi đi học – Thanh Tịnh
- Trong lòng mẹ – Nguyên Hồng
- Tức nước vỡ bờ – Ngô Tất Tố
- Lão Hạc – Nam Cao

2. Yêu cầu

- Lập bảng thống kê theo mẫu nắm được nội dung, ý nghĩa, bài học, các chi tiết đặc sắc và nghệ thuật nổi bật của các văn bản:

TT	Tác phẩm	Tác giả	Thể loại	Phương thức biểu đạt	Nội dung, ý nghĩa	Nghệ thuật đặc sắc

II. TIẾNG VIỆT:

1. Nội dung:

1. Trường từ vựng
2. Từ tượng hình, tượng thanh
3. Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội
4. Trợ từ, thán từ

2. Yêu cầu:

- Lập bảng thống kê theo mẫu

TT	Tên từ vựng, câu, dấu câu	Khái niệm	Dấu hiệu, hình thức, chức năng	Ví dụ

- Nhận diện và nêu tác dụng.

III. TẬP LÀM VĂN:

1. Nội dung: Văn tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.

2. Yêu cầu

- Lập dàn ý chi tiết, luyện viết các đoạn trong bài.
- Bô cục rõ ràng, mạch lạc
- Sử dụng các hình thức để liên kết đoạn văn trong bài.

B. MỘT SỐ DẠNG BÀI LUYỆN TẬP:

I. Dạng bài đọc hiểu.

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Bài 1: “Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi...toàn những cố để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương...Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu? Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỷ che lấp mất. Tôi biết vậy, nên tôi chỉ buồn chứ không nỡ giận.”

Câu 1: Đoạn trích trên được rút ra từ tác phẩm nào? Cho biết tên tác giả.

Câu 2:

a. Nhân vật “tôi” trong đoạn trích là ai? Nêu tác dụng của ngôi kể được sử dụng trong tác phẩm có đoạn trích.

b. Nêu nội dung, ý nghĩa của đoạn trích?

Câu 3: Tìm một thán từ có trong đoạn trích và cho biết tác dụng của thán từ đó.

Câu 4: Đặt một câu có nội dung viết về nhân vật “tôi” trong tác phẩm có đoạn trích trên. Trong câu có sử dụng từ tượng hình, gạch chân dưới từ tượng hình đó..

Bài 2: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường.

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

*Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đến trường, lòng tôi lại tung bừng rộn rã. **Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi đi học.**”*

(Ngữ văn 8- tập 1)

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Ai là tác giả? Xác định thể loại văn bản.

Câu 2: Chỉ ra những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn

Câu 3: Tìm các cụm C-V làm thành phần chính trong những câu im đậm.

Câu 4: Câu “*Hằng năm cứ vào mùa thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường.*” gọi cho em cảm xúc gì?

Câu 5: Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: “*Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng*”.

Câu 6: Chỉ ra nội dung chính của ngữ liệu trên.

II. Đề Tập làm văn.

Đề 1: Kể lại những kỉ niệm ngày đầu tiên đi học.

Đề 2: Người ấy (bạn, thầy, người thân,...) sống mãi trong lòng tôi.

Đề 3: Nếu là người được chứng kiến cảnh Lão Hạc kể chuyện bán chó với ông giáo thì em sẽ ghi lại câu chuyện đó như thế nào?

Ban giám hiệu

Lê Thị Ngọc Anh

REVISION FOR THE MIDTERM TEST – SEMESTER 1 - GRADE 8

A. TOPICS: Units: 1-3

B. VOCABULARY:

- Leisure activities
- Life in the countryside
- Peoples of Viet Nam

C. GRAMMAR:

- Verbs of liking + gerunds
- Verbs of liking + to-infinitives
- Comparative forms of adjectives
- Comparative forms of adverbs
- Questions: review
- Articles (some uses)

D. EXERCISES

Exercise 1: Find the word which has a different sound in the part underlined

1. a. sound b. out c. ound d. enough
2. a. bracelet b. favourite c. craft d. game
3. a. ride b. excite c. ridden d. beehive
4. a. pasture b. vast c. brave d. farm
5. a. community b. custom c. costume d. museum
6. a. ethnic b. gather c. though d. clothing

Exercise 2: Find the word that has different position of stress from the others

1. A. library B. museum C. melody D. favourite
2. A. protection B. addicted C. computer D. goldfish
3. A. skateboard B. sticker C. adore D. leisure
4. A. harvest B. collect C. peaceful D. whisper
5. A. charade B. transport C. expect D. paddy
6. A. opportunity B. inconvenient C. facility D. optimistic

Exercise 3: Choose the best answer (A, B, C or D).

1. How much time do you spend _____ leisure activities?
a.on b. in c. for d. with
2. Why don't you apply for this job? It looks right _____ your street.
a.on b. in c.at d. up
3. Many young people don't _____ walking to school or playing active games.
a. prefer b. enjoy c. suggest d. want
4. Daisy is _____ social media. She spends lots of time on Facebook and Instagram.
a.tired of b. bored with c. addicted to d. curious about
5. _____ leisure time is free from compulsory activities, it is often referred to as "free time."
a. Because b. Although c. When d. As long as
6. On the farm, uncle Duong showed us how to _____ cucumbers.
a. plough b.produce c. pick d. put up

7. Mongolian children start to learn _____ before they can walk.
a. horse riding b. riding horse c. ride horse d. horse ridden
8. On the side of the road, a herd boy was herding _____.
a. kites b. hay c. cattle d. blackberries
9. Mongolian children learn to ride when they are _____ as three years old.
a. as young b. younger c. younger than d. so young
10. Countryside is not polluted ; _____, you can breathe there fresh air.
a. although b. however c. therefore d. as
12. 'Is it true that Y Moan was the greatest pop singer of the Ede?' ' _____',
a. Really? b. How beautiful! c. Come on! d. Exactly.
13. 'Look at this dish, Nick. It has five colours.' ' _____',
a. How nice! b. What a shame! c. Sounds bad. d. Okay.
14. 'In some ethnic groups, women play the leading role in the family' ' _____',
a. Well, of course. b. I don't think so.
c. Wow, that's surprising! d. It's all right

Exercise 4: Choose the underlined part A, B, C or D that needs correcting.

1. Having leisure activities are truly important to the elderly.
A B C D
2. Although she wanted to go to the museum, she decided staying at home.
A B C D
3. Parents are concerned that their kids may be spending too many time on screens.
A B C D
4. Collecting coins is exciting, but it can also be relaxed.
A B C D
5. I love farm work, such as digging holes, sowing seeds and pick fruit.
A B C D
6. She is boring with the silent surrounding because she used to live in a big city.
A B C D
7. Nomadic children learn riding a horse when they are very small.
A B C D
8. Most ethnic groups live in rural areas, growing rice and practising slash-and-burn farm.
A B C D
9. We have recently visited some of the remote communities in the north highlands.
A B C D

Exercise 5: Write the correct form or tense of the verbs in brackets.

1. At present, the social networks _____ (become) more popular among young generation.
2. I _____ (not listen) to their new CD yet. Is it any good?
3. When I was a student, I _____ (not like) doing homework.
4. Facebook _____ (found) in 2004 by Mark Zuckerberg and Eduardo Saverin.
5. The American _____ (spend) 34 hours a week watching television.

6. _____ (you/ ever/ make) origami cranes?
7. I've just bought a new CD of folk songs. I _____ (listen) to it tonight.
8. Do you adore _____ (lie) in a hot bath?
9. Please try _____ (arrive) punctually at 8.30.
10. Many teenagers prefer _____ (watch) TV to _____ (read) books.

Exercise 6: Change each sentence Into a question using the question words in brackets.

1. The girl with a shawl on her head is a member of the Thai. (who)

2. The Khmer have three main festivals in a year. (how many)

3. Odu is the smallest ethnic group in Vietnam. (which)

5. We can find terraced fields in the northern mountainous regions. (where)

6. Bom Bo village is about 200 kilometres from Ho Chi Minh city. (how far)

7. They built their houses on stilts to prevent flooding from tides or storms. (why)

8. The population of the Tay ethnic group is about 1.7 million. (what)

9. The Tay have lived in Vietnam for thousands of years. (how long)

Exercise 7: Complete the sentence with the correct form of the words in brackets.

1. Many ethnic groups managed to live together _____. (peace)
2. How often is the Gong Festival _____? (celebrate)
3. The _____ of people in Vietnam belong to the Kinh people. (major)
4. The _____ house is the place where village ceremonies and festivals take place. (commune)
6. Communication is a lot _____ than it was 50 years ago. (easy)
7. People in rural areas wear _____ than those in cities. (simple)
8. Robert arrived at the meeting _____ than Francis. (late)
9. These trousers are too wide. Do you have any that are _____? (narrow)
10. Rene speaks _____ than the other ESL students in the class. (fluent)
11. Sitting in front of the computer too long can cause _____. (obese)
12. Are you _____ about the new Gears Of War games? (excite)
13. She listens to classical music for _____. (relax)

Exercise 8: Underline the correct option. This may include a space (–) for zero article.

1. Vietnam is *a/an/ the* multiethnic country with 54 ethnic groups.
2. The Viet (Kinh) people account for 87% of *a / the / –* country's population.
3. Chaul Chnam Thmey is *a/ an/ the* celebration of New Year by Khmers.
4. Folk singing of the Bru-Van Kieu is popular, particularly cha chap and sim, *the / a / an* alternating chant between young men and women.

- 5 Ancestor worship is *the / a / -* most important religious activity among the Bru-Van Kieu.
6. The La Ha grow *the / - / a* cotton but do not weave.
7. The Rong house of the Xo Dang is *a / an / the* big stilt house with a high roof which looks like *a/an/ the* axe.
8. The young Co Ho women play *an / a / the* active role in marriage.
9. The Ba Na are one of *the / a / an* oldest ethnic minority groups living in *a / - / the* Central Highlands.
10. *The / A / -* right of inheritance in Ede families is only for *the / - / a* daughters.
11. Y Phon lives in the city, but his family still live in *a / the / -* small village in *a / - / the* mountains.
12. *A / The / -* M'Nong live in houses built on *the / - / a* stilts or level with *a / - / the* ground.

Exercise 9: Choose the word which best fits each gap.

In the world of messengers and chat rooms, the use of Internet (1) _____ is as natural as seeing another selfie maker at the street. Some people call it Internet slang since many abbreviations are (2) _____ used in informal conversations of specific groups in social media networks. However, the typical slang of British English, American English, Australian English, and others are typically localized (3) _____. Internet abbreviations are universal and used by any person who catches the gist of a chat.

The likelihood you can come up (4) _____ ten common internet abbreviations is almost as high as the fact that you text or (5) _____ your friends each day. Test yourself, what does NSFW mean in texting? And can you decode at (6) _____ half of the following abbreviations? LOL, ASAP, OMG, XOXO, B4N, FYI, G2G, FB, MSG, TTYL. Easily?

By the way, FYI, ASAP, as well as other acronyms and abbreviations (7) _____ BTW (By the way), IMO (In my opinion), LMK (Let me know), PRB (Please reply by) have been included to the business email conversation (8) _____ almost never happens with common slang.

- | | | | |
|----------------|------------------|-------------|--------------|
| 1. a. synonyms | b. abbreviations | c. antonyms | d. syllables |
| 2. a. mostly | b. most | c. the most | d. almost |
| 3. a. although | b. because | c. whenever | d. whereas |
| 4. a. for | b. to | c. with | d. against |
| 5. a. tweet | b. talk | c. send | d. meet |
| 6. a. loss | b. large | c. last | d. least |
| 7. a. such | b. like | c. likely | d. as |
| 8. a. this | b. what | c. which | d. it |

Exercise 10: There are nine sub-groups that are (1) _____ by the ethnic minority M'Nong, such as Bru Dang, Preh, Ger, Nong, Prang, PJam, Kuyenh, Chil Bu Nor, and M'Nong Bu Dang, with combined estimate of 105,300 populations. They are concentrated (2) _____ southern parts of the provinces of Binh Phuoc and Dak Lak and in parts of Lam Dong. They live in houses built on (3) _____ or level with the ground, in every village where they usually have dozens of households. (4) _____ is observed and the children take the family name of their mother. The wife holds the key position in (5) _____ household. This group likes to have many children, (6) _____ daughters and speak the language traced to the Mon-Khmer Group. The M'Nong use the slash-and-bum method of (7) _____. The M'Nong in Ban Don are well known for their elephant hunting and domestication. Women handle the weaving of cotton cloth, (8) _____ the men work on basketry.

- | | | | |
|-----------------|----------------|----------------|---------------|
| 1. a. ordered | b. represented | c. expressed | d. symbolized |
| 2. a. on | b. at | c. for | d. in |
| 3. a. bricks | b. stilts | c. slabs | d. stones |
| 4. a. Monarchy | b. Patriarchy | c. Matriarchy | d. Democracy |
| 5. a. a | b. the | c. every | d. some |
| 6. a. special | b. specially | c. especially | d. especial |
| 7. a. transport | b. working | c. researching | d. farming |
| 8. a. while | b. when | c. which | d. where |

Exercise 11: Read the text carefully, then choose the correct answers.

For 3,000 years, Mongolians have lived in the rural areas, adopting a pastoral way of life, moving in the search of new pastures. They depend largely on their livestock for a living and sustain themselves with what they can get from the land. Today, approximately half of Mongolia's population is still roaming the vast plains living in the ger and moving their campings several times a year. Nomadic life thrives in summer and survives in winter. When temperatures are warm, they work hard on their farms to get milk and make *airag*, consuming meat from their sheeps and goats. Once winter comes, temperatures dip extremely low and they stay indoors and survive on horse meat.

With the rise of technology, changes in the Mongolian nomadic lifestyle are almost inevitable. While they still lead their lifestyle as pastoral herders, many use motorbikes to herd cattle and horses. To move their homes, trucks have taken the place of ox carts. Solar panels are also becoming an addition to the ger, giving them access to electricity without being confined to one place. The nomads use solar energy to power television sets and mobile phones.

- Mongolians regularly move from place to place in order to _____.
 - look for food for their family
 - find pastures for their livestock
 - herd their cattle and horses
 - sell their animals and farm products
- How many Mongolians still live a traditional nomadic life?
 - Close to 40 percent
 - More than 50 percent
 - About 50 percent
 - Approximately 60 percent
- What is a ger?
 - A portable, round tent
 - A thatched house
 - A circular house made of snow
 - A wooden hut
- What is the Mongolian's main food in winter?
 - airag
 - goat meat
 - sheep meat
 - horse meat
- Today, Mongolian nomads _____.
 - don't lead their lifestyle as herders any more
 - use ox carts to move their homes
 - use solar energy to power electronic devices
 - have the advantage of urban life
- Which of the followings is NOT true about Mongolian nomads?
 - They live in the countryside.
 - They live by and for their livestock.
 - They work hard in winter when the temperature dip very low.
 - They are now taking advantage of technology.

Exercise 12: Write a comparative sentence using the information and the word in brackets.

1. The average rainfall in Arica, Chile is 0.76mm per year. The average rainfall in the Libyan Sahara Desert is less than 15mm per year. (dry)

Arica, Chile _____

2. Henry arrived at the meeting at 7 o'clock. I arrived at 6:45. (soon)

I _____

3. It costs 100 million dong to build a concrete bridge, but only 50 million dong to build a steel bridge. (expensive)

Building a concrete bridge _____

4. It takes Linh 45 minutes to load hay onto the cart, but his father needs only 30 minutes. (slowly)

Linh _____

5. His house's yard is about 100 square meters while your house's yard is about 50 square meters. (large)

His house's yard _____

Exercise 13: Write the second sentence so that it has a similar meaning to the first one. Use the words in brackets.

1. This supermarket isn't as expensive as the one across the street. (less)

2. The English teacher started teaching at our school three years ago. (for)

3. My doctor advised me not to eat in front of the television. (said)

4. You won't pass the exam unless you study harder. (if)

5. Hanoi urban districts are noisier than its suburban areas. (as)

Exercise 14: Write the second sentence so that it has a similar meaning to the first one.

1. Your village is so beautiful!

What _____

2. How long is it since you built this stilt house?

When _____

3. Living in a big city is more convenient than living in a village.

It's _____

4. Where does he live?

What _____

5. Although the villagers are quite poor, they live a happy and healthy way.

In spite of _____

I. Nội dung

- *Chương 1: Khái quát cơ thể người*
 - + Cấu tạo cơ thể người.
 - + Tế bào, mô, phản xạ.
- *Chương 2: Vận động*
 - + Bộ xương.
 - + Cấu tạo và tính chất của cơ, của xương.
 - + Hoạt động của cơ.
 - + Tiến hóa của hệ vận động. Vệ sinh hệ vận động
- *Chương 3: Tuần hoàn*
 - + Máu và môi trường trong cơ thể.
 - + Bạch cầu – miễn dịch.
 - + Đông máu và nguyên tắc truyền máu.
 - + Tuần hoàn máu và lưu thông bạch huyết.
 - + Tim và mạch máu.
 - + Vận chuyển máu qua hệ mạch. Vệ sinh hệ tuần hoàn

II. Hình thức kiểm tra: 100% trắc nghiệm trực tuyến.

III. Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm ôn tập để học sinh tham khảo luyện tập

Chọn đáp án đúng cho các câu hỏi sau :

Câu 1: Người có nhóm máu A có thể truyền cho người có nhóm máu nào?

- A. Nhóm máu O.
- B. Tất cả các nhóm máu.
- C. Nhóm máu A.
- D. Nhóm máu B.

Câu 2: Hiện tượng mỗi cơ có liên quan mật thiết đến sự sản sinh loại axit hữu cơ nào?

- A. Axit axetic.
- B. Axit acrylic
- C. Axit malic.
- D. Axit lactic.

Câu 3: Màng xương có chức năng

- A. giúp xương giảm ma sát.
- B. tạo ra mô xương xốp.
- C. giúp xương to ra về bề ngang.
- D. giúp xương dài ra.

Câu 4: Xương trẻ nhỏ gãy thì mau liền hơn vì

- A. chưa có thành phần chất khoáng.
- B. thành phần cốt giao nhiều hơn chất khoáng.
- C. thành phần cốt giao ít hơn chất khoáng.
- D. chưa có thành phần cốt giao.

Câu 5: Môi trường trong cơ thể gồm

- A. nước mô, các tế bào máu và kháng thể.
- B. huyết tương, các tế bào máu và kháng thể.
- C. máu, nước mô và bạch cầu.
- D. máu, nước mô và bạch huyết.

Câu 6: Tiêm vacxin giúp con người

- A. tạo miễn dịch tự nhiên.
- B. tạo miễn dịch nhân tạo.
- C. tạo miễn dịch bẩm sinh.
- D. tạo miễn dịch tập nhiễm.

Câu 7: Tế bào không có nhân, hình đĩa, lõm 2 mặt và có thể vận chuyển và trao đổi khí O₂ và CO₂ là

- A. bạch cầu.
- B. tiểu cầu.
- C. nơron.
- D. hồng cầu.

Câu 8: Loại xương nào dưới đây được xếp vào nhóm xương dẹt?

- A. Xương hộp sọ. B. Xương cột sống. C. Xương cổ chân. D. Xương đùi.

Câu 9: Cơ sẽ duỗi tối đa trong trường hợp nào sau đây?

- A. Viêm cơ. B. Xơ cơ. C. Liệt cơ. D. Co cơ.

Câu 10: Trong phản xạ rút tay khi chạm vào vật nóng thì trung tâm xử lí thông tin nằm ở đâu?

- A. Trụ não. B. Bán cầu não trái. C. Tiểu não. D. Tủy sống.

Câu 11: Trong tế bào, Riboxom có vai trò gì?

- A. Tham gia hoạt động hô hấp và giải phóng năng lượng.
B. Thu nhận, hoàn thiện, phân phối sản phẩm.
C. Tham gia quá trình phân chia tế bào.
D. Là nơi tổng hợp prôtêin.

Câu 12: Sự mềm dẻo của xương có được nhờ thành phần cấu tạo nào sau đây?

- A. Nước. B. Ôxi. C. Chất cốt giao. D. Chất khoáng.

Câu 13: Loại bạch cầu nào tham gia phá hủy tế bào cơ thể đã nhiễm bệnh?

- A. Bạch cầu trung tính. C. Bạch cầu limphô B.
B. Bạch cầu mônô. D. Bạch cầu limphô T.

Câu 14: Đặc điểm nào dưới đây chỉ có ở bộ xương người mà không tồn tại ở các loài động vật khác?

- A. Xương cột sống hình cung. C. Lồng ngực phát triển rộng ra hai bên.
B. Bàn chân phẳng. D. Xương đùi bé.

Câu 15: Chức năng của hệ tiêu hóa là

- A. vận động cơ thể.
B. trao đổi O₂ và CO₂ giữa cơ thể và môi trường.
C. lọc thải các chất dư thừa, giữ ổn định môi trường trong cơ thể.
D. tiếp nhận, biến đổi thức ăn thành các chất dinh dưỡng cần thiết cung cấp cho cơ thể.

Câu 16: Hồng cầu không có cả A và B, huyết tương có cả α và β thuộc nhóm máu nào?

- A. Nhóm máu O. B. Nhóm máu A. C. Nhóm máu B. D. Nhóm máu AB.

Câu 17: Bộ xương người được chia thành mấy phần?

- A. 2 phần: đầu và thân. C. 3 phần: đầu, thân và các chi.
B. 3 phần: đầu, thân và chân. D. 3 phần: đầu, cổ và thân.

Câu 18: Bệnh nào dưới đây có thể gây ra nhiều biến chứng nguy hiểm ở hệ tim mạch?

- A. Bệnh nước ăn chân. C. Bệnh tay chân miệng.
B. Bệnh thấp khớp. D. Bệnh á sừng.

Câu 19: Xương nào sau đây có hình dạng và cấu tạo có nhiều sai khác với các xương còn lại?

- A. Xương cánh tay. B. Xương cẳng tay. C. Xương đùi. D. Xương sọ

Câu 20: Trong máu, huyết tương chiếm tỉ lệ bao nhiêu về thể tích?

- A. 75% B. 60% C. 45% D. 55%

Câu 21: Chất khoáng chủ yếu cấu tạo nên bộ xương trong cơ thể người là

- A. canxi. B. photpho. C. sắt. D. magie.

Câu 22: Ngăn nào của tim có thành cơ dày nhất?

- A. Tâm nhĩ trái. B. Tâm thất phải. C. Tâm nhĩ phải. D. Tâm thất trái.

Câu 23: Nhóm máu nào dưới đây tồn tại cả 2 kháng nguyên A và B trên hồng cầu?

- A. Nhóm máu A. B. Nhóm máu B. C. Nhóm máu O. D. Nhóm máu AB.

Câu 24: Sự khác biệt trong hình thái, cấu tạo của bộ xương người và bộ xương thú chủ yếu là do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Tư thế đứng thẳng và quá trình lao động.
- B. Sống trên mặt đất và cấu tạo của bộ não.
- C. Tư thế đứng thẳng và cấu tạo của bộ não.
- D. Sống trên mặt đất và quá trình lao động.

Câu 25: Loại tế bào máu nào tham gia vào quá trình đông máu?

- A. Hồng cầu.
- B. Bạch cầu.
- C. Tiểu cầu.
- D. Cả 3 loại trên.

Câu 26: Khi chúng ta bị ong chích thì nọc độc của ong được xem là

- A. Chất kháng sinh.
- B. Kháng thể.
- C. Kháng nguyên.
- D. Prôtêin độc.

Câu 27: Ở người bình thường, trung bình mỗi chu kì thì tim nghỉ ngơi hoàn toàn trong bao lâu?

- A. 0,3 giây
- B. 0,4 giây
- C. 0,5 giây
- D. 0,1 giây

Câu 28: Một bác sĩ có máu nhóm O vợ bác sĩ có nhóm máu A. Một bệnh nhân cần phải truyền máu gấp, khi thử máu để truyền với vợ bác sĩ thì bị kết dính, với máu bác sĩ thì không bị kết dính. Bệnh nhân đó có thể có nhóm máu gì?

- A. Nhóm máu O hoặc A.
- B. Nhóm máu O hoặc B.
- C. Nhóm máu B hoặc AB.
- D. Nhóm máu O hoặc AB.

Câu 29: Vai trò của sụn tăng trưởng là

- A. làm cho xương to ra về bề ngang.
- B. làm cho xương dài ra.
- C. giảm ma sát trong các khớp xương.
- D. phân tán lực tác động.

Câu 30: Trong cơ thể người, loại tế bào nào dưới đây có khả năng tiết kháng thể?

- A. Bạch cầu trung tính.
- B. Bạch cầu mônô.
- C. Bạch cầu limphô B
- D. Bạch cầu limphô T

Câu 31: Khi nói về cơ chế cơ co, nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Khi cơ co, tơ cơ dày xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ mảnh làm cho tế bào cơ ngắn lại.
- B. Khi cơ co, tơ cơ dày xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ mảnh làm cho tế bào cơ dài ra.
- C. Khi cơ co, tơ cơ mảnh xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ dày làm cho tế bào cơ dài ra.
- D. Khi cơ co, tơ cơ mảnh xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ dày làm cho tế bào cơ ngắn lại.

Câu 32: Trong cơ thể người tế bào có chứa nhiều ti thể nhất là

- A. tế bào cơ tim.
- B. tế bào biểu bì.
- C. tế bào cơ xương.
- D. tế bào hồng cầu.

Câu 33: Trong hoạt động miễn dịch của cơ thể người, sự kết hợp của cặp nhân tố nào dưới đây diễn ra theo cơ chế chìa khoá và ổ khoá?

- A. Kháng nguyên - Kháng thể.
- B. Kháng nguyên - Kháng sinh.
- C. Kháng sinh - Kháng thể.
- D. Vi khuẩn - Prôtêin độc.

Câu 34: Hoạt động của cơ không chịu ảnh hưởng bởi yếu tố nào sau đây?

- A. Trạng thái thần kinh.
- B. Nhịp độ lao động.
- C. Màu sắc của vật cần di chuyển.
- D. Khối lượng của vật cần di chuyển.

Câu 35: Chức năng của mô biểu bì là

- A. tạo ra bộ khung của cơ thể, neo giữ các cơ quan hoặc có chức năng đệm.
- B. co, dẫn, tạo nên sự vận động.
- C. bảo vệ, hấp thụ và tiết.

D. tiếp nhận kích thích, xử lí thông tin và điều khiển hoạt động của các cơ quan trong cơ thể để trả lời các kích thích của môi trường.

Câu 36: Ở người bình thường, trung bình mỗi phút tim đập bao nhiêu lần?

A. 85 lần. B. 75 lần. C. 60 lần. D. 90 lần.

Câu 37: Đặc điểm nào dưới đây không có ở hồng cầu người?

A. Hình đĩa, lõm 2 mặt. C. Nhiều nhân, nhân nhỏ nằm phân tán.
B. Màu đỏ hồng. D. Tham gia vận chuyển khí O₂, CO₂.

Câu 38: Tính chất của xương là

A. co và giãn. B. mềm dẻo và co, giãn. C. bền chắc và mềm dẻo. D. bền chắc

Câu 39: Nhóm nào dưới đây gồm những neuron có thân nằm trong trung ương thần kinh?

A. Neuron cảm giác, neuron liên lạc và neuron vận động.
B. Neuron cảm giác và neuron vận động.
C. Neuron liên lạc và neuron cảm giác.
D. Neuron liên lạc và neuron vận động.

Câu 40: Người có nhóm máu AB có thể cho truyền máu cho người có nhóm máu nào?

A. Nhóm máu AB. B. Nhóm máu O. C. Nhóm máu A. D. Nhóm máu B.

Câu 41: Ở trẻ em, tử cung là nơi sản sinh

A. tiểu cầu. B. hồng cầu. C. bạch cầu limphô. D. đại thực bào.

Câu 42: Trong hệ thống “hàng rào” phòng chống bệnh tật của con người, nếu vi khuẩn, virus thoát khỏi sự thực bào thì ngay sau đó chúng ta sẽ phải đối diện với hoạt động bảo vệ của bạch cầu nào?

A. Bạch cầu trung tính. C. Bạch cầu ưa kiềm.
B. Bạch cầu limpho B. D. Bạch cầu limpho T.

Câu 43: Loại khớp nào dưới đây không có khả năng cử động?

A. Khớp giữa xương đùi và xương cẳng chân. C. Khớp giữa các đốt sống.
B. Khớp giữa các xương hộp sọ. D. Khớp giữa các đốt ngón tay.

Câu 44: Nước mô không bao gồm thành phần nào?

A. Hồng cầu. B. Huyết tương. C. Bạch cầu. D. Tiểu cầu.

Câu 45: Vận tốc truyền xung thần kinh trên dây thần kinh có bao myelin ở người khoảng

A. 200 m/s. B. 50 m/s. C. 100 m/s. D. 150 m/s.

Câu 46: Loại xương nào sau đây được xếp vào nhóm xương dài?

A. Xương hộp sọ. B. Xương đùi. C. Xương cột sống. D. Xương chậu.

Câu 47: Cơ vận động lưỡi của con người phát triển hơn các loài thú là do chúng ta có khả năng

A. nuốt. B. viết. C. nói. D. nhai.

Câu 48: Tế bào cơ trơn và tế bào cơ tim giống nhau ở đặc điểm nào sau đây?

A. Chỉ có một nhân. C. Có vân ngang.
B. Gắn với xương. D. Hình thoi, hai đầu nhọn.

Câu 49: Loại đồ ăn nào dưới đây đặc biệt có lợi cho hệ tim mạch?

A. Kem. B. Lòng đỏ trứng gà. C. Cá hồi. D. Sữa tươi.

Câu 50: Hồng cầu có màu đỏ là nhờ có chứa sắc tố

A. hêmôglôbin. B. hêmôxianin. C. hêmôerythin. D. miôglôbin.

I. Nội dung ôn tập

HS ôn lại kiến thức những bài sau:

Bài 1: Chuyển động cơ học.

Bài 2: Vận tốc

Bài 3: Chuyển động đều – chuyển động không đều.

Bài 4: Biểu diễn lực.

Bài 5: Sự cân bằng lực – Quán tính.

Bài 6: Lực ma sát.

II. Câu hỏi ôn tập

Câu 1. Trong các câu sau, câu nào SAI?

- A. Lực có tác dụng làm đổi hướng của vận tốc.
- B. Lực không phải là một đại lượng véc tơ.
- C. Lực có tác dụng làm vật bị biến dạng.
- D. Lực có tác dụng làm thay đổi độ lớn của vận tốc.

Câu 2. Xe ô tô đang chuyển động đều trên mặt đường nằm ngang. Biết tổng cộng độ lớn của lực ma sát tác dụng lên các bánh xe là 500N. Bỏ qua sức cản của không khí, độ lớn lực kéo của động cơ xe là

- A. 1000N. B. 500N. C. 0N. D. 250N.

Câu 3. Đơn vị của vận tốc phụ thuộc vào đơn vị của đại lượng nào dưới đây?

- A. Đơn vị thời gian.
- B. Công thức tính vận tốc.
- C. Đơn vị độ dài và đơn vị thời gian.
- D. Đơn vị chiều dài.

Câu 4. Một chiếc xe máy chở hai người chuyển động trên đường. Trong các câu mô tả sau câu nào đúng?

- A. Hai người đứng yên so với bánh xe.
- B. Người ngồi sau chuyển động so với người cầm lái.
- C. Người cầm lái chuyển động so với chiếc xe.
- D. Hai người chuyển động so với mặt đường.

Câu 5. Đổi 2,8m/s bằng khoảng bao nhiêu km/h?

- A. 10km/h. B. 2,8 km/h. C. 28 km/h. D. 100 km/h.

Câu 6. Trường hợp nào sau đây mô tả vật chuyển động theo quán tính?

- A. Em bé đang trượt trên cầu trượt. B. Quả táo rơi từ trên cây xuống.
C. Xe đạp vẫn trôi dù không đạp nữa. D. Xe ô tô đang leo dốc.

Câu 7. Một người đi xe đạp từ nhà đến nơi làm việc với vận tốc 4m/s hết 15 phút. Quãng đường từ nhà người đó đến nơi làm việc là

- A. 3,6 km. B. 60 m. C. 2,25km. D. 1,5 km.

Câu 8. Thế nào gọi là chuyển động đều ?

- A. Chuyển động có độ lớn vận tốc tăng dần trong quá trình chuyển động.
B. Chuyển động có độ lớn vận tốc không thay đổi trong quá trình chuyển động.
C. Chuyển động có hướng chuyển động không đổi trong quá trình chuyển động.
D. Chuyển động có hướng chuyển động thay đổi liên tục trong quá trình chuyển động.

Câu 9. Chuyển động cơ học là gì?

- A. Là sự thay đổi theo thời gian của một vật.
B. Là sự thay đổi khoảng cách của vật theo thời gian so với vật mốc.
C. Là khoảng cách giữa vật và vật mốc theo thời gian.
D. Là sự thay đổi vị trí của một vật theo thời gian so với vật mốc.

Câu 10. Khi chiếc quạt trần đang chạy thì kết luận nào dưới đây là đúng?

- A. Trần nhà chuyển động so với cánh quạt. B. Cánh quạt đứng yên so với Trái Đất.
C. Bầu quạt đứng yên so với cánh quạt. D. Đầu cánh quạt đứng yên so với trục đỡ.

Câu 11. Lực xuất hiện trong trường hợp nào dưới đây là lực ma sát?

- A. Lực xuất hiện làm mòn đế giày dép.
B. Lực làm cho sợi dây chun căng ra.
C. Lực do nam châm hút miếng sắt.
D. Lực làm cho nước chảy từ trên cao xuống.

Câu 12. Hai lực cân bằng là hai lực có những đặc điểm nào dưới đây?

- A. Cùng phương, cùng chiều, cùng độ lớn và tác dụng vào cùng một vật.

- B. Cùng phương, ngược chiều, cùng độ lớn và tác dụng vào cùng hai vật khác nhau.
- C. Cùng phương, ngược chiều, cùng độ lớn và tác dụng vào cùng một vật.
- D. Cùng phương, ngược chiều, khác nhau về độ lớn và tác dụng vào cùng một vật.

Câu 13. Một người tập chạy trên quãng đường dài 7,2km. Trong 5km đầu tiên người đó chạy trong 1 giờ, 2,2km còn lại cũng chạy trong 1 giờ. Vận tốc trung bình của người đó trên cả quãng đường là bao nhiêu ?

- A. 7,2m/s.
- B. 2,5m/s.
- C. 1m/s.
- D. 3,6m/s.

Câu 14. Một người đi xe đạp đi với vận tốc 12 km/h. Con số đó cho ta biết điều gì?

- A. Trong 1 giờ người đó đi được 12 km.
- B. Mỗi km người đó đạp xe mất 12 giờ.
- C. Thời gian người đó đạp xe đi được là 1 giờ.
- D. Quãng đường người đó đạp xe đi được là 12 km.

Câu 15. Xe ô tô đang chuyển động đột ngột dừng lại. Hành khách trong xe bị

- A. Nghiêng người sang phía trái.
- B. Nghiêng người sang phía phải;
- C. Ngả người về phía sau.
- D. Xô người về phía trước.

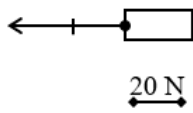
Câu 16. Một vật đang chuyển động đều chịu tác dụng thêm một lực có cùng phương với phương của chuyển động thì vận tốc của vật sẽ như thế nào?

- A. Có thể tăng dần, cũng có thể giảm dần.
- B. Chỉ có thể giảm dần.
- C. Chỉ có thể tăng dần.
- D. Không thay đổi.

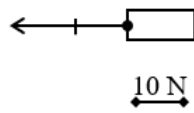
Câu 17. Độ lớn của vận tốc biểu thị tính chất nào của chuyển động?

- A. Tốc độ chuyển động nhanh hay chậm.
- B. Quãng đường chuyển động dài hay ngắn.
- C. Thời gian chuyển động dài hay ngắn.
- D. Quỹ đạo của chuyển động thẳng hay cong.

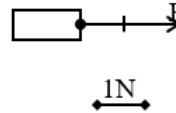
Câu 18. Hình nào sau đây biểu diễn đúng lực kéo F tác dụng lên vật theo phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải, $F = 20N$?



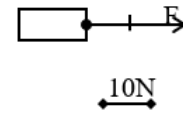
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 19. Một quả cầu được treo vào một sợi dây buộc trên giá. Khi quả cầu nằm cân bằng, các lực tác dụng lên quả cầu cân bằng nhau là hai lực nào ?

A. Trọng lực và phản lực của điểm treo.

B. Trọng lực và lực căng dây.

C. Lực căng dây và lực ma sát với sợi dây.

D. Lực ma sát và phản lực của điểm treo.

Câu 20. Khi nào một vật được coi là đứng yên?

A. Vị trí của vật không đổi theo thời gian so với vật mốc.

B. Vật gắn trên mặt đất.

C. Quãng đường vật đi được không đổi theo thời gian.

D. Khoảng cách giữa vật và vật mốc không đổi theo thời gian.

Câu 21. Trong các ví dụ về vật đứng yên so với vật mốc sau đây ví dụ nào là SAI.

A. Trong chiếc ô tô đang chuyển động người lái xe đứng yên so với ô tô.

B. Trên chiếc thuyền đang trôi theo dòng nước người lái thuyền đứng yên so với chiếc thuyền.

C. Cái cặp để trên mặt bàn đứng yên so với mặt bàn.

D. Trong chiếc đồng hồ đang chạy đầu kim đứng yên so với cái bàn.

Câu 22. Trường hợp nào sau đây có ma sát trượt.

A. Bánh xe quay khi xe đạp bị dựng ngược để thợ cân lại vành bánh xe.

B. Bánh xe đạp lăn từ từ rồi dừng lại.

C. Bánh xe đạp bị phanh dừng lại.

D. Bánh xe bắt đầu lăn bánh khi bị đạp đi.

Câu 23. Muốn biểu diễn một véc tơ lực chúng ta cần phải biết các yếu tố :

A. Phương, chiều.

B. Điểm đặt, phương, độ lớn.

C. Điểm đặt, phương, chiều và độ lớn.

D. Điểm đặt, phương, chiều.

Câu 24. Một xe ô tô chở khách đang đi trên đường, nếu nói hành khách đang chuyển động là ta chọn vật nào làm mốc?

- A. Người soát vé ngồi ở phía đầu xe
- B. Cái ghế mà hành khách ngồi
- C. Tài xế lái xe
- D. Cây cối bên đường

Câu 25. Chú Bình dùng mặt phẳng nghiêng để chuyển thùng phuy lên ô tô tải. Chú phải tạo ra một lực 500N. Có thể kết luận như thế nào về lực ma sát tác dụng vào thùng phuy?

- A. Lực ma sát lớn hơn 500N.
- B. Lực ma sát nhỏ hơn 500N.
- C. Không đủ yếu tố để kết luận về lực ma sát.
- D. Lực ma sát bằng 500N.

Câu 26. Khi vật chịu tác dụng của 2 lực cân bằng thì vật sẽ như thế nào?

- A. Vật đang đứng yên sẽ chuyển động;
- B. Vật đang chuyển động sẽ chuyển động chậm dần.
- C. Vật đang chuyển động sẽ chuyển động nhanh dần.
- D. Vật đang chuyển động sẽ tiếp tục chuyển động thẳng đều.

Câu 27. Một người đi xe máy với vận tốc 12m/s trong thời gian 20 phút. Quãng đường người đó đi được là:

- A. 2400m.
- B. 4km.
- C. 14,4 km.
- D. 240 m.

Câu 28. Nhận xét nào sau đây đúng?

- A. Khi xét vật đứng yên, chỉ cần quan sát, không cần chọn vật mốc.
- B. Khi không nói đến vật mốc, ta hiểu ngầm vật mốc là Trái Đất hoặc các vật gắn trên mặt đất.
- C. Khi xét chuyển động của các vật trên Trái Đất, cần chọn vật mốc là tâm Trái Đất.
- D. Khi xét chuyển động, bắt buộc chọn vật mốc là vật đứng yên.

Câu 29. Một chiếc bè thả trôi trên sông, có một người đang nằm trên bè. Nhận xét nào sau đây đúng?

- A. Người đó đứng yên so với dòng nước.
- B. Chiếc bè chuyển động so với dòng nước
- C. Chiếc bè đứng yên so với bờ sông.
- D. Dòng nước chuyển động so với người.

Câu 30. Vì sao nói lực là một đại lượng vectơ?

- A. Vì lực là một đại lượng có thể đo được.
- B. Vì lực là một đại lượng có đơn vị.
- C. Vì lực không chỉ có độ lớn, mà còn có điểm đặt, phương, chiều.
- D. Vì có thể so sánh lực này lớn hơn hay nhỏ hơn lực kia.

Câu 31. Một xe máy đi từ Hà Nội về thị trấn Vân Đình hết 1 giờ 30 phút. Biết vận tốc trung bình của xe máy này là 30km/h. Xe đã đi quãng đường dài bao nhiêu?

- A. 15km.
- B. 20km.
- C. 45km.
- D. 30km.

Câu 32. Công thức nào dưới đây là công thức tính vận tốc?

- A. $v = m / s$.
- B. $v = s.t$.
- C. $v = \frac{s}{t}$.
- D. $v = \frac{t}{s}$.

Câu 33. Trường hợp nào sau đây không liên quan đến quán tính của vật?

- A. Khi lái xe tăng ga, xe lập tức tăng tốc.
- B. Khi đang chạy nếu bị vấp, người sẽ ngã về phía trước.
- C. Bút máy tắc ta vẩy cho ra mực.
- D. Khi áo có bụi, ta giữ mạnh áo cho sạch bụi.

Câu 34. Đơn vị nào sau đây không phải đơn vị vận tốc?

- A. km/h.
- B. m/phút.
- C. kg/m³.
- D. m/s.

Câu 35. Một xe chuyển động trên quãng đường S_1 trong thời gian t_1 , sau đó tiếp tục chuyển động quãng đường S_2 trong thời gian t_2 . Công thức tính vận tốc trung bình của xe chạy trên cả quãng đường này là gì?

- A. $v_{tb} = \frac{S_1}{t_1} + \frac{S_2}{t_2}$
- B. $v_{tb} = \frac{S_1}{t_1}$
- C. $v_{tb} = \frac{S_2}{t_2}$
- D. $v_{tb} = \frac{S_1 + S_2}{t_1 + t_2}$

Câu 36. Lực nào giúp ta bê một thùng hàng mà không bị trượt khỏi tay?

- A. Lực hút của trái đất.
- B. Lực ma sát lăn.
- C. Lực ma sát nghỉ.
- D. Lực ma sát trượt

Câu 37. Chuyển động nào sau đây là chuyển động đều?

- A. Chuyển động của Trái Đất quay quanh Mặt Trời.
- B. Chuyển động của xe máy khi phanh gấp.

C. Chuyển động của hòn bi lăn xuống dốc.

D. Chuyển động của tàu hỏa đi từ Hà Nội vào Đà Nẵng.

Câu 38. Quan sát hình vẽ sau và cho biết lực \vec{F} có đặc điểm gì ?



A. Có phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải, có độ lớn 40N.

B. Có phương thẳng đứng, chiều từ phải sang trái, có độ lớn 20N.

C. Có phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải, có độ lớn 20N.

D. Có phương nằm ngang, chiều từ phải sang trái, có độ lớn 40N.

Câu 39. Trường hợp nào sau đây đang nói về vận tốc trung bình của vật?

A. Vận tốc của viên bi thả từ bàn xuống lúc chạm đất là 5m/s.

B. Vận tốc của máy bay từ Hà Nội vào Sài Gòn là 900km/h.

C. Vận tốc của ô tô đi trên cao tốc bị bắn tốc độ là 120km/h.

D. Công tơ mét của xe máy chỉ 40km/h.

Câu 40. Tại sao trên lớp ô tô, xe máy, xe đạp người ta phải xẻ rãnh?

A. Để làm tăng ma sát giúp xe không bị trơn trượt.

B. Để trang trí cho bánh xe đẹp hơn.

C. Để tiết kiệm nguyên liệu làm lốp.

D. Để giảm diện tích tiếp xúc với mặt đất, giúp xe đi nhanh hơn.

Ban giám hiệu

Ký duyệt

Lê Thị Ngọc Anh

A. LÝ THUYẾT

- Chất - Nguyên tử. Nguyên tố hoá học.
- Đơn chất - Hợp chất. Phân tử.
- Công thức hoá học. Hoá trị.

B. BÀI TẬP TỰ LUYỆN

I. Trắc nghiệm: Học sinh ghi lại đáp án đúng nhất cho các câu hỏi sau vào vở ghi.

Câu 1: Tính chất nào của chất trong số các chất sau đây có thể biết được bằng cách quan sát trực tiếp mà không phải dùng dụng cụ đo hay làm thí nghiệm?

- A. Màu sắc.
- B. Tính tan trong nước.
- C. Khối lượng riêng.
- D. Nhiệt độ nóng chảy.

Câu 2: Dựa vào tính chất nào dưới đây mà ta khẳng định được trong chất lỏng là tinh khiết?

- A. Không màu, không mùi.
- B. Không tan trong nước.
- C. Lọc được qua giấy lọc.
- D. Có nhiệt độ sôi nhất định.

Câu 3: Cách hợp lí nhất để tách muối từ nước biển là

- A. lọc.
- B. chưng cất.
- C. cho bay hơi.
- D. để yên để muối lắng xuống gạn đi.

Câu 4: Rượu etylic(còn) sôi ở $78,3^{\circ}$ nước sôi ở 100°C . Muốn tách rượu ra khỏi hỗn hợp nước có thể dùng cách nào trong số các cách cho dưới đây?

- A. Lọc.
- B. Bay hơi.
- C. Chưng cất ở nhiệt độ khoảng 80° .
- D. Không tách được.

Câu 5: Trong số các câu sau, câu nào đúng nhất khi nói về khoa học hoá học?

- A. Hóa học là khoa học nghiên cứu tính chất vật lí của chất.
- B. Hóa học là khoa học nghiên cứu tính chất hoá học của chất.

C. Hóa học là khoa học nghiên cứu các chất, sự biến đổi và ứng dụng của chúng.

D. Hóa học là khoa học nghiên cứu tính chất và ứng dụng của chất.

Câu 6: Nguyên tử khối là khối lượng của một nguyên tử tính bằng đơn vị nào?

A. Gam.

B. Kilôgam.

C. Đơn vị cacbon (đvC).

D. Đơn vị hidro (đvH).

Câu 7: KHHH của bạc là

A. B

B. Al

C. Ag

D. Ba

Câu 8: Thành phần cấu tạo của hầu hết của các loại nguyên tử gồm

A. proton và electron.

B. notron và electron.

C. proton và notron.

D. proton, notron và electron.

Câu 9: Chọn câu phát biểu đúng về cấu tạo của hạt nhân trong các phát biểu sau: *Hạt nhân nguyên tử cấu tạo bởi*

A. proton và electron.

B. notron và electron.

C. proton và notron.

D. proton, notron và electron.

Câu 10: Các câu sau, câu nào đúng?

A. Điện tích của electron bằng điện tích của notron.

B. Khối lượng của proton bằng điện tích của notron.

C. Điện tích của proton bằng điện tích của notron.

D. Có thể chứng minh sự tồn tại của electron bằng thực nghiệm.

Câu 11: Dựa vào tính chất nào cho dưới đây mà ta khẳng định được chất lỏng là tinh khiết?

A. Không màu, không mùi.

B. Không tan trong nước.

C. Lọc được qua giấy lọc.

D. Có nhiệt độ sôi nhất định.

Câu 12: Nguyên tố X có nguyên tử khối bằng 3,5 lần nguyên tử khối của oxi. X là nguyên tố nào sau đây?

A. Ca

B. Na

C. K

D. Fe

Câu 12: Vật thể nhân tạo là

A. cây lúa.

B. cái cầu.

C. mặt trời.

D. con sóc.

Câu 13: Từ một nguyên tố hoá học có thể tạo nên bao nhiêu đơn chất?

A. Chỉ 1 đơn chất.

B. Chỉ 2 đơn chất.

C. Một, hai hay nhiều đơn chất.

D. Không xác định được.

Câu 14: Hợp chất là những chất được tạo nên từ bao nhiêu nguyên tố hoá học?

A. Chỉ có 1 nguyên tố.

B. Chỉ từ 2 nguyên tố.

C. Chỉ từ 3 nguyên tố.

D. Từ 2 nguyên tố trở lên.

Câu 15: Phân tử khối là khối lượng của phân tử tính bằng đơn vị nào?

A. Gam.

B. Kilogam.

C. Gam hoặc kilogam.

D. Đơn vị cacbon.

Câu 16: Dựa vào dấu hiệu nào sau đây để phân biệt phân tử của đơn chất với phân tử của hợp chất?

A. Hình dạng của phân tử.

B. Kích thước của phân tử.

C. Số lượng nguyên tử trong phân tử.

D. Nguyên tử cùng loại hay khác loại.

Câu 17: Chọn câu phát biểu đúng: Nước tự nhiên là

A. một đơn chất.

B. một hợp chất.

C. một chất tinh khiết.

D. một hỗn hợp .

Câu 18: Những chất nào trong dãy những chất dưới đây chỉ chứa những chất tinh khiết?

A. Nước biển, đường kính, muối ăn.

B. Nước sông, nước đá, nước chanh.

C. Vòng bạc, nước cất, đường kính.

D. Khí tự nhiên, gang, dầu hoả.

Câu 19: Kim loại M tạo ra hiđroxit $M(OH)_3$. Phân tử khối của oxit là 102. Nguyên tử khối của M là

A. 24

B. 27

C. 56

D. 64

Câu 20: Hãy chọn công thức hoá học đúng trong số các công thức hóa học sau đây?

A. $CaPO_4$

B. $Ca_2(PO_4)_2$

C. $Ca_3(PO_4)_2$

D. $Ca_3(PO_4)_3$

Câu 21: Hợp chất $Al_x(NO_3)_3$ có phân tử khối là 213. Giá trị của x là

A. 3

B. 2

C. 1

D. 4

Câu 22: Trong 1 phân tử của hợp chất gồm: 1Ba, 1C, 3O. CTHH của hợp chất này là

A. $BaCO_3$.

B. BaC_3O .

C. BaC_3O .

D. $BaCO_3$.

Câu 23: Công thức hoá học nào sau đây viết đúng?

A. Kali clorua KCl_2 .

B. Kali sunfat $K(SO_4)_2$.

C. Kali sunfit KSO_3 .

D. Kali sunfua K_2S .

Câu 24: Nguyên tố X có hoá trị III, công thức của muối sunfat là

A. XSO_4

B. $X(SO_4)_3$

C. $X_2(SO_4)_3$

D. X_3SO_4

Câu 25: Biết N có hoá trị IV, hãy chọn công thức hoá học phù hợp với qui tắc hoá trị trong đó có các công thức sau

A. NO

B. N_2O

C. N_2O_3

D. NO_2

Câu 26: Biết S có hoá trị IV, hãy chọn công thức hoá học phù hợp với qui tắc hoá trị trong đó có các công thức sau

A. S_2O_2

B. S_2O_3

C. SO_3

D. SO_2

Câu 27: Nguyên tử N có hoá trị III trong phân tử chất nào sau đây?

A. N_2O_5

B. NO_2

C. NO

D. N_2O_3

Câu 28: Nguyên tử S có hoá trị VI trong phân tử chất nào sau đây?

A. SO_2

B. H_2S

C. SO_3

D. CaS

Câu 29: Biết Cr hoá trị III và O hoá trị II. Công thức hoá học nào sau đây viết đúng?

A. CrO

B. Cr_2O_3

C. CrO_2

D. CrO_3

Câu 30: Hợp chất của nguyên tố X với nhóm PO_4 hoá trị III là XPO_4 . Hợp chất của nguyên tố Y với H là H_3Y . Vậy hợp chất của X với Y có công thức là

A. XY

B. X_2Y

C. XY_2

D. X_2Y_3

Câu 31: Hợp chất của nguyên tố X với O là X_2O_3 và hợp chất của nguyên tố Y với H là YH_2 . Công thức hoá học hợp chất của X với Y là

A. XY

B. X_2Y

C. XY_2

D. X_2Y_3

Câu 32: Đặc điểm cấu tạo của hầu hết đơn chất phi kim là

A. các nguyên tử chuyển động đôi khi tại chỗ, đôi khi tự do.

B. các nguyên tử sắp xếp tự do và trượt lên nhau.

C. các nguyên tử sắp xếp khít nhau và theo một trật tự xác định, ở chất rắn.

D. các nguyên tử thường liên kết với nhau theo một số nhất định (thường là 2), ở thể khí.

Câu 33: Cho CTHH của một số chất: O_2 , KCl, CuO, S, KOH, Ca, HCl. Trong đó có:

A. 3 đơn chất và 4 hợp chất.

B. 5 đơn chất và 2 hợp chất.

C. 4 đơn chất và 3 hợp chất.

D. 2 đơn chất và 5 hợp chất.

Câu 34: $4N_2$ nghĩa là

A. 4 nguyên tử Nitơ.

B. 4 phân tử Nitơ.

C. 4 nguyên tố Nitơ.

D. 4 đơn chất Nitơ.

II. Tự luận: Học sinh trình bày bài làm vào vở ghi.

Câu 1: Viết CTHH và tính PTK của các hợp chất sau:

a) Canxi sunfat, biết trong phân tử có 1Ca, 1S, 4O.

b) Kali photphat, biết trong phân tử có 3K, 1P, 4O.

Câu 2: Hãy nêu ý nghĩa của các CTHH sau:

a) Natri sunfat Na_2SO_4

b) Nhôm clorua $AlCl_3$

Câu 3: Một hợp chất A có phân tử gồm 2 nguyên tử của nguyên tố X liên kết với 3 nguyên tử O và nặng hơn phân tử hiđro là 38 lần.

a) Tính phân tử khối của hợp chất.

b) Tính nguyên tử khối của X, cho biết tên và kí hiệu hóa học của nguyên tố đó.

c) Tính % theo khối lượng của nguyên tố X trong hợp chất trên.

Câu 4: Phân tử của một hợp chất gồm nguyên tử của nguyên tố X liên kết với 3 nguyên tử oxi. Nguyên tố X chiếm 40% về khối lượng của hợp chất.

a) Tính phân tử khối của hợp chất.

b) Tính nguyên tử khối, cho biết tên và KHHH của nguyên tố X.

(H = 1, C = 12, N = 14, O = 16, Na = 23, Mg = 24, Al = 27, P = 31, S = 32, Cl = 35,5, K = 39,

Ca = 40, Mn = 55, Fe = 56, Cu = 64, Zn = 65, Br = 80, Ag = 108, Ba = 137, Pb = 207)

Ban giám hiệu

Ký duyệt

Lê Thị Ngọc Anh

I. Nội dung

* Bài 1: Vị trí địa lí, địa hình và khoáng sản.

- Vị trí địa lí và kích thước của châu lục.
- Đặc điểm địa hình và khoáng sản.

* Bài 2: Khí hậu châu Á

- Khí hậu châu Á phân hóa đa dạng.
- Khí hậu châu Á phổ biến là kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa.

* Bài 3: Sông ngòi và cảnh quan châu Á

- Đặc điểm sông ngòi.
- Các đới cảnh quan tự nhiên.

* Bài 4: Thực hành: Phân tích hoàn lưu gió mùa châu Á.

* Bài 5: Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á.

- Châu lục đông dân nhất thế giới.
- Dân cư thuộc nhiều chủng tộc.

II. Hình thức kiểm tra: 100% trắc nghiệm trực tuyến.

III. Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm ôn tập để học sinh tham khảo luyện tập

Câu 1: Châu Á có nhiều dầu mỏ, khí đốt tập trung chủ yếu ở khu vực

- A. Đông Nam Á. B. Tây Nam Á. C. Trung Á. D. Nam Á.

Câu 2: Châu Á có diện tích phần đất liền rộng khoảng

- A. 40 triệu km². B. 41,5 triệu km² C. 42,5 triệu km². D. 43,5 triệu km².

Câu 3: Châu Á tiếp giáp với châu lục nào?

- A. Châu Âu, châu Phi. B. Châu Đại Dương, châu Mỹ.
C. Châu Mỹ, châu Âu. D. Châu Nam Cực, châu Phi.

Câu 4: Châu Á không tiếp giáp với đại dương nào?

- A. Bắc Băng Dương. B. Đại Tây Dương. C. Thái Bình Dương. D. Ấn Độ Dương.

Câu 5: Chiều dài từ điểm cực Bắc đến điểm cực Nam của châu Á là:

- A. 8.200km. B. 8.500km. C. 9.000km. D. 9.500km.

Câu 6: Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm vị trí của châu Á?

- A. Là một bộ phận của lục địa Á- Âu.
- B. Kéo dài từ cực Bắc đến vùng Xích đạo.
- C. Đại bộ phận diện tích nằm giữa chí tuyến Bắc và chí tuyến Nam.
- D. Tiếp giáp với 2 châu lục và 3 đại dương rộng lớn.

Câu 7: Các dãy núi ở châu Á có hai hướng chính là gì?

- A. Đông – tây hoặc gần đông – tây và bắc – nam hoặc gần bắc – nam.
- B. Đông bắc – tây nam và đông – tây hoặc gần đông – tây.
- C. Tây bắc – đông nam và vòng cung.
- D. Bắc – nam và vòng cung.

Câu 8: Dãy núi nào sau đây là dãy núi cao và đồ sộ nhất châu Á?

- A. Hi-ma-lay-a.
- B. Côn Luân.
- C. Thiên Sơn.
- D. Cap-ca.

Câu 9: Châu Á có bao nhiêu đới khí hậu?

- A. 4
- B. 5
- C. 6
- D. 7

Câu 10: Nhận xét nào chưa đúng về khí hậu châu Á?

- A. Khí hậu châu Á phân hóa thành nhiều đới khác nhau.
- B. Các đới khí hậu châu Á phân thành nhiều kiểu khí hậu khác nhau.
- C. Khí hậu châu Á phổ biến là các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa.
- D. Khí hậu châu Á phổ biến là đới khí hậu cực và cận cực.

Câu 11: Khí hậu châu Á lại chia thành nhiều đới do

- A. lãnh thổ trải dài từ vùng cực bắc đến vùng Xích đạo.
- B. lãnh thổ trải dài theo chiều kinh tuyến.
- C. ảnh hưởng của các dãy núi.
- D. châu Á giáp với nhiều đại dương lớn.

Câu 12: Khí hậu châu Á phổ biến là các kiểu khí hậu nào?

- A. Kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa.
- B. Kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu cận nhiệt địa trung hải.
- C. Kiểu khí hậu hải dương và các kiểu khí hậu lục địa.
- D. Kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu hải dương.

Câu 13: Khí hậu gió mùa châu Á phân bố ở

- A. Bắc Á, Trung Á.

- B. Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á.
- C. Tây Nam Á, Nam Á, Đông Nam Á.
- D. Đông Á, Đông Nam Á và Trung Á.

Câu 14: Cho biết con sông nào sau đây không thuộc khu vực Bắc Á?

- A. Sông Ê-ni-xây.
- B. Sông Hoàng Hà.
- C. Sông Ô-bi.
- D. Sông Lê-na

Câu 15: Con sông nào chảy qua nước ta bắt nguồn từ sơn nguyên Tây Tạng?

- A. Sông Hằng.
- B. Sông Trường Giang.
- C. Sông Mê Công.
- D. Sông Lê-na

Câu 16: Vùng có hệ thống sông ngòi thưa và kém phát triển là

- A. Bắc Á.
- B. Đông Á.
- C. Đông Nam Á và Nam Á.
- D. Tây Nam Á và Trung Á.

Câu 17: Sông ngòi ở Đông Nam Á có đặc điểm

- A. mạng lưới thưa thớt.
- B. nguồn cung cấp nước là do băng tan.
- C. không có nhiều sông lớn.
- D. mạng lưới dày đặc, nhiều sông lớn.

Câu 18: Lũ băng của sông ngòi Bắc Á vào mùa nào?

- A. Mùa xuân
- B. Mùa hạ
- C. Mùa thu
- D. Mùa đông.

Câu 19: Quốc gia đông dân nhất châu Á là

- A. Trung Quốc.
- B. Thái Lan.
- C. Việt Nam.
- D. Ấn Độ.

Câu 20: Tỷ lệ gia tăng dân số của Châu Á giảm đáng kể do

- A. chuyên cư
- B. phân bố lại dân cư
- C. thực hiện chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình.
- D. thu hút nhập cư.

Câu 21: Châu Á có diện tích đứng thứ mấy trong các châu lục trên thế giới?

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 22: Chiều rộng từ bờ Tây sang bờ Đông nơi lãnh thổ châu Á mở rộng nhất là bao nhiêu km?

- A. 6200 km.
- B. 7200 km.
- C. 8200 km.
- D. 9200 km.

Câu 23: Ý nào sau đây không phải đặc điểm địa hình của châu Á?

- A. Châu Á có nhiều hệ thống núi, sơn nguyên cao, đồ sộ và nhiều đồng bằng bậc nhất thế giới.
- B. Địa hình bị chia cắt phức tạp.

C. Các núi và cao nguyên cao đồ sộ tập trung ở trung tâm châu lục.

D. Địa hình khá đơn giản, có thể coi toàn bộ lục địa là khối cao nguyên khổng lồ.

Câu 24: Đồng bằng nào sau đây không thuộc châu Á?

A. Đồng bằng Tây Xi-bia.

B. Đồng bằng Ấn – Hằng.

C. Đồng bằng Trung tâm.

D. Đồng bằng Hoa Bắc.

Câu 25. Đới khí hậu nào ở châu Á có nhiều kiểu khí hậu nhất?

A. Đới khí hậu ôn đới.

B. Đới khí hậu cận nhiệt.

C. Đới khí hậu nhiệt đới.

D. Đới khí hậu xích đạo.

Câu 26. Hai khu vực ở châu Á có mưa vào loại nhiều nhất thế giới là:

A. Đông Á và Bắc Á.

B. Tây Á và Đông Bắc Á.

C. Đông Á và Tây Nam Á

D. Nam Á và Đông Nam Á

Câu 27. Kiểu khí hậu phổ biến ở châu Á là

A. ôn đới và gió mùa.

B. gió mùa và lục địa.

C. gió mùa và đại dương.

D. nhiệt đới và đại dương.

Câu 28. Sơn nguyên cao nhất châu Á là

A. A-rap.

B. Đê-can.

C. Tây Tạng.

D. Trung Xi-bia.

Câu 29. Nguồn cung cấp nước chủ yếu cho các sông ở vùng Bắc Á, Tây Nam Á và Trung Á là do

A. nước mưa.

B. băng tuyết tan.

C. nước ngầm.

D. nước ở các hồ.

Câu 30. Các sông ngòi của Bắc Á có giá trị chủ yếu về

A. giao thông và thủy điện.

B. du lịch sông nước và sinh thái.

C. cung cấp nước cho sản xuất.

D. đánh cá và nuôi trồng thủy sản.

Câu 31. Về mùa đông, miền Bắc nước ta chịu tác động chủ yếu của hướng gió

A. tây bắc.

B. đông bắc.

C. tây nam.

D. đông nam.

Câu 32: Gió mùa mùa hạ ở Đông Á có hướng

A. Tây Bắc.

B. Đông Bắc.

C. Đông Nam.

D. Tây Nam.

Câu 33. Chủng tộc Môn-gô-lô-it phân bố chủ yếu ở

A. Trung Á, Tây Nam Á, Nam Á.

B. Bắc Á, Đông Á, Đông Nam Á.

C. Đông Âu, Tây Âu, Bắc Âu.

D. Bắc Mỹ, Trung Mỹ, Nam Mỹ.

Câu 34. Trong 4 tôn giáo sau, tôn giáo nào ra đời sớm nhất ở châu Á?

- A. Ki-tô giáo. B. Phật giáo. C. Ấn Độ giáo. D. Hồi giáo.

Câu 35. Nhận định nào sau đây không đúng với nền kinh tế các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai?

- A. Có nhiều chuyển biến mạnh mẽ.
B. Số quốc gia nghèo khổ chiếm tỉ lệ cao.
C. Số quốc gia nghèo khổ chiếm tỉ lệ thấp.
D. Sự phát triển giữa các nước và vùng lãnh thổ không đều.

Câu 36. Trong các loại cây lương thực sau đây, cây nào là cây quan trọng số một ở châu Á?

- A. Ngô. B. Lúa mì. C. Lúa gạo. D. Khoai lang.

Câu 37. Sản xuất công nghiệp của các nước châu Á có đặc điểm chung là gì?

- A. Đa dạng nhưng phát triển chưa đều.
B. Phát triển công nghiệp khai khoáng.
C. Chủ yếu phát triển công nghiệp luyện kim, cơ khí chế tạo.
D. Chủ yếu phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

Câu 38. Gió mùa đông ở Đông Á thổi từ áp cao Xi-bia đến áp thấp A-lê-út theo hướng nào?

- A. Tây Bắc B. Đông Bắc C. Đông Nam D. Tây Nam

Câu 39: Gió mùa mùa hạ ở Bắc Á, Nam Á và Đông Nam Á có tính chất

- A. lạnh, khô, ít mưa.
B. nóng, ẩm, mưa nhiều.
C. lạnh, ẩm
D. khô nóng.

Câu 40: Gió mùa mùa đông ở Đông Nam Á thổi từ

- A. áp cao Xi-bia đến áp thấp A-lê-út.
B. áp cao Xi-bia đến áp thấp Xích đạo – Ô- xtrây -li-a.
C. áp cao Xi-bia đến áp thấp Xích đạo.
D. áp cao Xi-bia đến áp thấp Ô- xtrây -li-a.

Câu 41: Gió mùa mùa hạ ở Đông Nam Á thổi từ

- A. Từ áp cao Ô-xtrây-li-a, Nam Ấn Độ Dương đến áp thấp I-ran.
B. Từ áp cao Nam Ấn Độ Dương đến áp thấp I-ran.
C. Từ áp cao Ha-oai đến áp thấp I-ran.
D. Từ áp cao Nam Đại Tây Dương đến áp thấp I-ran.

Câu 42: Gió mùa mùa hạ ở Nam Á có hướng

- A. Tây Bắc
- B. Đông Bắc
- C. Đông Nam
- D. Tây Nam

Câu 43: Gió mùa mùa hạ ở Đông Nam Á có hướng

- A. Tây Bắc và Bắc
- B. Đông Bắc và Bắc
- C. Đông Nam và Nam
- D. Tây Nam và Nam

BGH

Lê Thị Ngọc Anh

I. CÂU HỎI ÔN TẬP

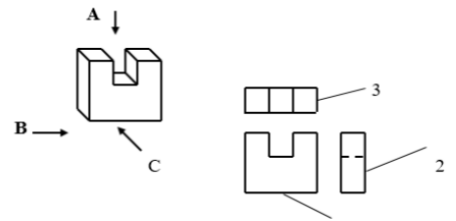
Câu 1. Thế nào là bản vẽ kỹ thuật? Bản vẽ kỹ thuật có vai trò như thế nào đối với sản xuất và đời sống?

Câu 2. Có các phép chiếu nào? Mỗi phép chiếu có đặc điểm gì? Tên gọi và vị trí của các hình chiếu trên bản vẽ?

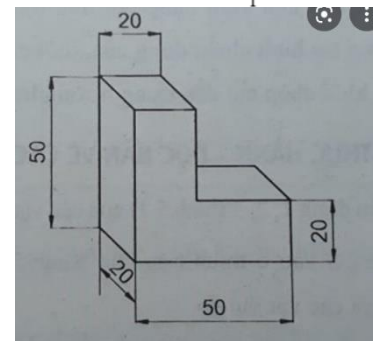
Câu 3. Cho vật thể sau với các hướng chiếu A, B, C và các hình chiếu 1, 2, 3

a) Hãy ghép các hướng chiếu 1, 2, 3 với các hình chiếu A, B, C sao cho phù hợp

b) Hãy cho biết tên gọi của các hình chiếu 1, 2, 3



Câu 4. Hãy vẽ các hình chiếu của vật thể sau (các kích thước trên hình có đơn vị: mm)



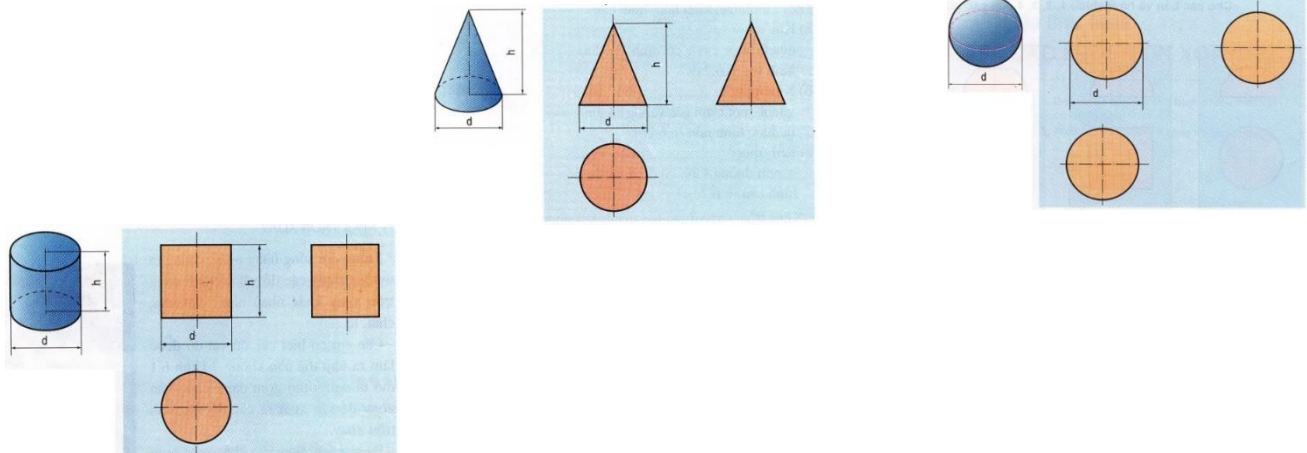
Câu 5. Hình trụ, hình nón, hình cầu được tạo như thế nào?

Câu 6. Thế nào là hình cắt? Hình cắt dùng để làm gì?

Câu 7. Thế nào là bản vẽ chi tiết? Bản vẽ chi tiết dùng để làm gì? Hãy nêu trình tự đọc bản vẽ chi tiết.

Câu 8. Ren ngoài, ren trong là gì? Nêu quy ước vẽ ren ngoài, ren trong, ren bị che khuất?

Câu 9. Hãy cho biết điểm giống nhau của cả 3 bản vẽ sau:



II. MỘT SỐ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong bản vẽ kỹ thuật có bao nhiêu loại hình chiếu?

- A. Hai loại B. Ba loại C. Bốn loại D. Năm loại

Câu 2. Hình chiếu của vật thể là:

- A. phần thấy của vật đối với mặt phẳng bản vẽ.
B. phần thấy của vật đối với người quan sát.
C. phần thấy của vật đối với mặt phẳng hình chiếu
D. phần phía sau vật thể.

Câu 3. Hình hộp chữ nhật được bao bởi những hình gì?

- A. Hình tam giác. B. Hình đa giác phẳng. C. Hình chữ nhật. D. Hình bình hành

Câu 4. Hình chiếu bằng có hướng chiếu từ đâu tới?

- A. Trước tới. B. Trên xuống. C. Trái sang. D. Phải sang.

Câu 5. Công dụng của bản vẽ chi tiết là:

- A. chế tạo và lắp ráp. B. thiết kế, thi công và sử dụng.
C. thiết kế và sửa chữa. D. chế tạo và kiểm tra.

Câu 6. Nếu mặt đáy của hình chóp đều có đáy vuông song song với mặt phẳng chiếu cạnh thì hình chiếu cạnh là hình gì?

- A. Hình chữ nhật. B. Hình tròn. C. Hình tam giác. D. Hình vuông.

Câu 7. Kim tự tháp là một khối đa diện thuộc hình gì?

- A. Hình hộp chữ nhật. B. Hình nón cụt. C. Hình lăng trụ đều. D. Hình chóp đều.

Câu 8. Phép chiếu vuông góc có đặc điểm gì?

- A. Các tia chiếu đồng quy tại một điểm.
B. Các tia chiếu đi xuyên qua vật thể.
C. Các tia chiếu song song với nhau.
D. Các tia chiếu vuông góc với mặt phẳng hình chiếu.

Câu 9. Trong các đồ vật sau, đồ vật nào có hình dạng khối tròn xoay?

- A. Đai ốc 6 cạnh. B. Quả bóng đá. C. Hộp phân. D. Bao diêm.

Câu 10. Đinh vít là chi tiết có ren gì?

- A. Ren ngoài B. Ren trong
C. Cả ren ngoài ren trong D. Ren bị che khuất

Câu 11. Trong quy ước vẽ ren nhìn thấy: Đường chân ren được vẽ bằng nét nào sau đây?

- A. Liền đậm B. Liền mảnh
C. Nét đứt D. Nét gạch chấm mảnh

Ban giám hiệu

Ký duyệt

Lê Thị Ngọc Anh

I. Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Học sinh ôn lại kiến thức các bài: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 10, 17 (mục I.2)

2. Nội dung chính:

- Thời kì xác lập của chủ nghĩa tư bản (từ giữa thế kỉ XVI đến nửa sau thế kỉ XIX).

- Phong trào công nhân quốc tế cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX.

- Các nước Âu – Mĩ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX: Công xã Pari; Các nước Anh, Pháp, Đức, Mĩ.

- Châu Á thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX: Ấn Độ, Trung Quốc.

II. Hình thức kiểm tra: 100% trắc nghiệm trực tuyến.

III. Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm ôn tập để học sinh tham khảo luyện tập

Câu 1. Thế kỉ XV-XVII, các giai cấp mới được hình thành trong xã hội Tây Âu là

A. lãnh chúa và nông dân.

B. lãnh chúa và tư sản.

C. tư sản và vô sản.

D. lãnh chúa, tư sản và vô sản.

Câu 2. Trong nền sản xuất mới, giai cấp tư sản có đặc điểm nổi bật là

A. thế lực kinh tế yếu, bị phong kiến kìm hãm, chèn ép nên càng không phát triển được.

B. bước đầu có thế lực về kinh tế, thường dựa vào đó để củng cố quyền lực chính trị.

C. có thế lực kinh tế, nhưng không có quyền lực chính trị.

D. có quyền lực kinh tế và chính trị.

Câu 3. Nội dung nào phản ánh không đúng tình hình nước Anh trước cách mạng (thế kỉ XVII)?

A. Nền kinh tế phát triển nhất châu Âu.

B. Nhiều quý tộc vừa và nhỏ chuyển sang kinh doanh theo lối tư bản, trở thành tầng lớp quý tộc mới.

C. Giai cấp phong kiến tạo điều kiện cho nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.)

D. Mâu thuẫn xã hội giữa tư sản, quý tộc mới với chế độ quân chủ chuyên chế ngày càng gay gắt.

Câu 4. Vào đầu thế kỉ XVI, vùng đất có nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển nhất ở Tây Âu là gì?

A. Nê-đéc-lan.

B. Mĩ.

C. Pháp.

D. Đức.

Câu 5. Kết quả nổi bật của Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII là

A. lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ ở Anh.

B. vẫn duy trì mọi đặc quyền của thế lực phong kiến, đời sống nhân dân không được cải thiện.

C. nền cộng hòa dân chủ được thiết lập ở Anh.

D. thế lực của giai cấp tư sản được củng cố, quyền lợi của nhân dân lao động được đảm bảo.

Câu 6. Từ thế kỉ XII đến thế kỉ XVI, Nê-đéc-lan bị lệ thuộc vào vương quốc nào?

A. Anh.

B. Tây Ban Nha.

C. Bồ Đào Nha.

D. Bỉ.

Câu 7. Nền độc lập của Hà Lan được chính thức công nhận vào năm nào?

A. Năm 1566.

B. Năm 1581.

C. Năm 1648.

D. Năm 1650.

Câu 8. Lãnh đạo cuộc Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII, là giai cấp và tầng lớp nào?

- A. Quý tộc mới và nông dân.
- B. Tư sản và thợ thủ công.
- C. Quý tộc mới và tư sản.
- D. Quý tộc mới và thợ thủ công.

Câu 9. Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII, là cuộc cách mạng tư sản không triệt để vì

- A. chỉ đem lại thắng lợi cho giai cấp tư sản và quý tộc mới, quyền lợi của nhân dân lao động không được đáp ứng.
- B. lãnh đạo cách mạng là giai cấp tư sản và quý tộc mới.
- C. mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
- D. đưa nước Anh trở thành nước cộng hoà.

Câu 10. Ai là tổng thống đầu tiên của nước cộng hòa liên bang Mĩ?

- A. G. Oa-sinh-ton.
- B. J. Ken-nơ-đi.
- C. Ních – xơn.
- D. Joe Biden.

Câu 11. Hiện nay, ai là tổng thống của nước cộng hòa liên bang Mĩ?

- A. Bill Clinton.
- B. Barack Obama.
- C. Donald Trump.
- D. Joe Biden.

Câu 12. Nguyên nhân dẫn đến các cuộc cách mạng tư sản là gì?

- A. Giai cấp tư sản mâu thuẫn với giai cấp vô sản.
- B. Quần chúng nhân dân mâu thuẫn gay gắt với giai cấp phong kiến.
- C. Giai cấp phong kiến mâu thuẫn với giai cấp tư sản và quần chúng nhân dân, kìm hãm nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đang trên đà phát triển mạnh mẽ.
- D. Giai cấp tư sản và giai cấp phong kiến mâu thuẫn với giai cấp vô sản.

Câu 13. Các cuộc cách mạng tư sản diễn ra nhằm mục đích gì?

- A. Lật đổ chế độ phong kiến, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
- B. Đòi quyền lợi cho giai cấp vô sản và quần chúng nhân dân.
- C. Bảo vệ quyền lực của giai cấp phong kiến.
- D. Thiết lập chế độ mới - xã hội chủ nghĩa.

Câu 14. Cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ vào thế kỉ XVIII kết thúc thắng lợi dẫn đến sự ra đời của quốc gia nào?

- A. Mê-hi-cô.
- B. Ca-na-da.
- C. Mĩ.
- D. Bra-xin.

Câu 15. Ngày 4-7-1776 diễn ra sự kiện lịch sử tiêu biểu nào ở Bắc Mỹ?

- A. Nhân dân cảng Bô-xton tấn công ba tàu chở chè của Anh.
- B. Hội nghị lục địa diễn ra ở Phi-la-đen-phi-a.
- C. Chiến tranh bùng nổ giữa thực dân Anh với các thuộc địa ở Bắc Mỹ.
- D. Bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Cộng hòa liên bang Mỹ được công bố.

Câu 16. Trước khi cách mạng diễn ra cuối thế kỉ XVIII, nước Pháp theo thể chế chính trị nào?

- A. Quân chủ lập hiến.
- B. Chủ nghĩa quân phiệt
- C. Quân chủ chuyên chế.
- D. Cộng hòa tư sản.

Câu 17. Cuối thế kỉ XVIII, xã hội Pháp được phân chia thành những Đẳng cấp nào?

- A. Tư sản, nông dân, các tầng lớp khác.
- B. Tăng lữ, Quý tộc, Đẳng cấp thứ ba.
- C. Quý tộc, Tăng lữ, nông dân.
- D. Quý tộc, Tăng lữ, tư sản.

Câu 18. Những nhà tư tưởng kiệt xuất của giai cấp tư sản trong trào lưu triết học Ánh sáng ở Pháp cuối thế kỉ XVIII là

- A. Mông-te-xki-ơ, Xanh Xi-mông, Phu-ri-ê.
- B. Vôn-te, Rút-xô, Xanh Xi-mông.
- C. Mông-te-xki-ơ, Vôn-te, Rút-xô.
- D. Ro-be-spi-e, Vôn-te, Rút-xô.

Câu 19. Sau thắng lợi ngày 14-7-1789, quyền lực ở Pháp thuộc về

- A. đại tư sản.
- B. tư sản công thương.
- C. tư sản vừa và nhỏ
- D. Quốc hội.

Câu 20. Khẩu hiệu nổi tiếng trong bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Pháp năm 1789 là

- A. Độc lập-Tự do-Hạnh phúc.
- B. Tự do-Bình đẳng-Bác ái.
- C. Tự do, cơm áo, hòa bình.
- D. Mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng.

Câu 21. Chế độ chính trị được xác lập ở Pháp sau Hiến pháp 1791 là chế độ

- A. quân chủ chuyên chế.
- B. quân chủ lập hiến.
- C. cộng hòa tư sản.
- D. xã hội chủ nghĩa.

Câu 22. Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của nước Pháp có gì tiến bộ?

- A. Đề cao quyền tự do, bình đẳng của con người.
- B. Bảo vệ quyền lợi cho tất cả các tầng lớp trong xã hội.
- C. Bảo vệ quyền lợi cho tư sản.
- D. Bảo vệ quyền lợi cho những người cầm quyền.

Câu 23. Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của nước Pháp có gì hạn chế?

- A. Chỉ phục vụ cho giai cấp tư sản.
- B. Phục vụ quyền lợi của giai cấp công nhân.
- C. Đáp ứng mọi quyền lợi của giai cấp địa chủ phong kiến.
- D. Phục vụ cho các tầng lớp tham gia đấu tranh.

Câu 24. Cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII, khởi đầu ở quốc gia nào?

- A. Đức.
- B. Anh.
- C. Pháp.
- D. Mĩ.

Câu 25. Trong cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII, máy móc được phát minh và sử dụng trước hết ở ngành

- A. nông nghiệp.
- B. dệt.
- C. giao thông vận tải.
- D. công nghiệp chế tạo máy.

Câu 26. Vào năm 1784, ai là người phát minh ra máy hơi nước?

- A. Karl Benz
- B. Thomas Edison
- C. Ét-mon Các-rai
- D. Giêm Oát

Câu 27. Người chế tạo máy dệt đầu tiên ở Anh là

- A. Ét-mon Các - rai
- B. Thomas Edison
- C. Niu-ton
- D. Giêm Oát

Câu 28: Giữa thế kỉ XIX, quốc gia nào được coi là “công xưởng của thế giới”?

- A. Mĩ
- B. Pháp
- C. Anh
- D. Đức.

Câu 29: Về mặt xã hội, hệ quả quan trọng nhất của cách mạng công nghiệp là hình thành hai giai cấp

- A. quý tộc mới và vô sản
- B. tư sản và thợ thủ công
- C. tư sản và vô sản
- D. công nhân và vô sản

Câu 30: Máy kéo sợi chạy bằng sức nước do ai phát minh?

- A. Ăng-ghen
- B. Béc-men
- C. Giêm Oát
- D. Ác-crai-to

Câu 31: Tại sao nói thế kỉ XIX là thế kỉ của sắt, máy móc và động cơ hơi nước?

- A. Sắt, thép, máy móc và động cơ hơi nước được sử dụng rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực.
- B. Nhờ có sắt, thép máy móc đã chế tạo được nhiều vật liệu mới hơn.
- C. Động cơ hơi nước quyết định sự phát triển của một số quốc gia.
- D. Hoạt động sản xuất của thế giới chuyển từ thủ công sang máy móc.

Câu 32. Điểm giống nhau cơ bản trong tư tưởng của Mác và Ăng-ghen là gì?

- A. Nhận thức rõ được bản chất xấu xa của chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản.
- B. Chung tư tưởng đấu tranh chống lại chủ nghĩa tư bản bất công và xây dựng một xã hội bình đẳng.
- C. Khẳng định rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản trong việc đánh đổ giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản, giải phóng loài người.
- D. Nhận ra được nỗi thống khổ của giai cấp công nhân và nông dân lao động dưới chế độ tư bản chủ nghĩa.

Câu 33. Chính Đảng đầu tiên của vô sản thế giới là tổ chức nào?

- A. Đồng minh những người cộng sản.
- B. Quốc tế thứ nhất.
- C. Quốc tế thứ hai.
- D. Quốc tế thứ ba.

Câu 34. Hình thức đấu tranh đầu tiên của giai cấp công nhân là gì?

- A. Mít tinh, biểu tình.
- B. Bãi công
- C. Khởi nghĩa.
- D. Đập phá máy móc.

Câu 35. Các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở Anh, Pháp, Đức những năm 30 của thế kỉ XIX thất bại vì sao?

- A. Lực lượng quá yếu thiếu sự đoàn kết.
- B. Thiếu sự lãnh đạo đúng đắn và chưa có đường lối chính trị rõ ràng.
- C. Không được sự ủng hộ của phong trào công nhân quốc tế.
- D. Chưa có ý thức giác ngộ về sứ mệnh lịch sử của mình.

Câu 36: Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc “già” (Anh, Pháp) với các nước đế quốc “trẻ” (Đức, Mĩ) là mâu thuẫn về

- A. kinh tế và thuộc địa
- B. tranh chấp lãnh thổ
- C. thuộc địa
- D. văn hóa

Câu 37: Nguyên nhân chủ yếu làm cho nền công nghiệp của Anh vào cuối thế kỉ XIX, phát triển chậm hơn các nước Mỹ, Đức là gì?

- A. Công nghiệp Anh phát triển sớm, hàng loạt máy móc, thiết bị lạc hậu.
- B. Do tác động của chiến tranh.
- C. Anh tập trung phát triển các ngành khác.
- D. Sự vươn lên mạnh mẽ của công nghiệp Mỹ, Đức.

Câu 38: Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX hầu hết các nước châu Á, châu Phi lần lượt trở thành

- A. thuộc địa và phụ thuộc của thực dân phương Tây.
- B. khu vực có nền kinh tế phát triển vượt bậc.
- C. nước công nghiệp.
- D. các nước đế quốc đi xâm lược.

Câu 39:Đại diện ưu tú nhất cho phong trào cách mạng tư sản Trung Quốc đầu thế kỉ XX là

- A.Lương Khải Siêu.
- B. Khang Hữu Vi.
- C.Hồng Tú Toàn.
- D. Tôn Trung Sơn

Câu 40: Sự kiện nào đánh dấu mở đầu cho quá trình xâm lược của thực dân phương Tây vào Trung Quốc?

- A. Cuộc chiến tranh thuốc phiện của thực dân Anh
- B. Đức xâm chiếm tỉnh Sơn Đông
- C. Triều đình Mãn Thanh kí hiệp ước Nam Kinh
- D. Triều đình Mãn Thanh kí hiệp ước Tân Sửu

Câu 41: Tác giả của thuyết “vạn vật hấp dẫn” là

- A. Lô-mô-nô-xốp (Nga)
- B. Niu-ton (Anh)
- C. Đác-uy-n (Anh)
- D.Puóc-kin-giơ (Séc)

Câu 42: Nước xuất khẩu tư bản đứng thứ hai thế giới đầu thế kỉ XX là nước nào?

- A. Pháp
- B. Mỹ
- C. Đức
- D. Anh

Câu 43: Nội dung cơ bản của học thuyết Tam dân là

- A. dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc.
- B. dân tộc độc lập, dân chủ tự do, dân sinh hạnh phúc.
- C. dân tộc độc lập, dân quyền tự do.
- D. dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc.

Câu 45. Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nước Anh được mệnh danh là

- A. Chủ nghĩa đế quốc thực dân.
- B. Chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi.
- C. Chủ nghĩa đế quốc quân phiệt, hiếu chiến.
- D. Đất nước của những “ông vua công nghiệp”.

Câu 46. Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nước Pháp được mệnh danh là

- A. Chủ nghĩa đế quốc thực dân.
- B. Chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi.
- C. Chủ nghĩa đế quốc quân phiệt, hiếu chiến.
- D. Đất nước của những “ông vua công nghiệp”.

Câu 47. Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nước Đức được mệnh danh là

- A. Chủ nghĩa đế quốc thực dân.
- B. Chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi.
- C. Chủ nghĩa đế quốc quân phiệt, hiếu chiến.
- D. Đất nước của những “ông vua công nghiệp”.

Câu 48. Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nước nào có hệ thống thuộc địa đứng đầu thế giới?

- A. Anh.
- B. Pháp.
- C. Đức.
- D. Mĩ

Câu 49. Chế độ chính trị của nước Anh vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX là chế độ gì?

- A. Quân chủ chuyên chế.
- B. Quân chủ lập hiến.
- C. Cộng hòa liên bang.
- D. Dân chủ cộng hòa.

Câu 50. Chế độ chính trị của nước Mĩ vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX là chế độ gì?

- A. Quân chủ chuyên chế.
- B. Quân chủ lập hiến.
- C. Cộng hòa liên bang.
- D. Dân chủ cộng hòa.

Câu 51. Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, tình hình kinh tế của các nước Anh, Pháp, Đức, Mĩ có điểm gì giống nhau?

- A. Công nghiệp phát triển mạnh mẽ.
- B. Công nghiệp giảm sút mạnh.
- C. Nông nghiệp phát triển.
- D. Nhiều công ti độc quyền ra đời, chi phối nền kinh tế các nước.

Câu 52. Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, chính sách đối ngoại của các nước Anh, Pháp, Đức, Mĩ có điểm gì giống nhau?

- A. Đẩy mạnh chiến tranh xâm lược và chia lại thuộc địa.
- B. Trao trả lại độc lập cho các nước thuộc địa.
- C. Tăng cường quan hệ hòa bình, hợp tác hữu nghị với tất cả các nước.
- D. Chỉ đặt quan hệ ngoại giao với các nước tư bản.

Câu 53. Nội dung nào không phải là nguyên nhân dẫn đến sự phát triển của nền công nghiệp Đức vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX?

- A. Đất nước được thống nhất.
- B. Có nhiều quyền lợi từ cuộc chiến tranh Pháp – Phổ.
- C. Ứng dụng những thành tựu mới nhất của khoa học kĩ thuật.
- D. Thu lợi nhuận từ việc xuất khẩu tư bản đầu tư vào thuộc địa.

Câu 54. Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, chính sách đối nội của các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ có điểm gì giống nhau?

- A. Đảm bảo quyền lợi cho giai cấp tư sản.
- B. Đảm bảo quyền lợi cho quần chúng nhân dân.
- C. Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa thay nhau cầm quyền.
- D. Đảng Tự do và Đảng Bảo thủ thay nhau cầm quyền.

Câu 55. Công xã Pa-ri là nhà nước kiểu mới vì đã ban bố và thi hành các sắc lệnh phục vụ quyền lợi cho ai?

- A. Giai cấp phong kiến.
- B. Giai cấp tư sản.
- C. Quần chúng nhân dân.
- D. Tất cả cá tầng lớp, giai cấp trong xã hội.

Câu 56. Hầu hết các đại biểu trong Hội đồng Công xã Pa-ri đại diện cho tầng lớp, giai cấp nào trong xã hội Pháp?

- A. Tầng lữ.
- B. Quý tộc.
- C. Tư sản.
- D. Nhân dân lao động.

Câu 57. Công xã Pa-ri được thành lập vào khoảng thời gian nào?

- A. Sau chiến tranh Pháp – Phổ (1870).
- B. Sau cuộc khởi nghĩa của công nhân và tiểu tư sản lật đổ chính quyền Na-pô-lê-ông III. (9/1870).
- C. Sau cuộc khởi nghĩa của nhân dân Pa-ri chống lại chính phủ tư sản (3/1871).
- D. Sau cuộc nội chiến giữa chính phủ Véc-xai của tư sản với các chiến sĩ Công xã và nhân dân lao động Pa-ri (5/1871)

BGH

Lê Thị Ngọc Anh

TRƯỜNG THCS THANH AM
NĂM HỌC 2021-2022

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I
MÔN GDCD LỚP 8

I. HỆ THỐNG BÀI HỌC:

1. Tôn trọng lẽ phải
2. Liêm khiết
3. Tôn trọng người khác
4. Giữ chữ tín

II. BÀI TẬP:

1. Nhớ được khái niệm trong mỗi bài học và trả lời được các câu hỏi, bài tập sau mỗi bài học trong SGK.
2. Tạo được tình huống, giải quyết được một số tình huống có liên quan đến từng chủ đề bài học.
3. Tìm, giải thích được một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao, danh ngôn,... liên quan đến từng chủ đề.
4. Liên hệ bản thân, điều chỉnh hành vi sao cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức ở từng chủ đề.

III. MỘT SỐ CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CỤ THỂ

Câu 1: Thế nào là liêm khiết? Hãy tìm và nêu bốn câu ca dao, tục ngữ, danh ngôn nói về tính liêm khiết.

Câu 2: Thế nào là tôn trọng người khác? Vì sao chúng ta cần phải tôn trọng người khác? Hãy nêu bốn việc làm thể hiện việc tôn trọng người khác mà em có thể thực hiện được.

Câu 3: Thế nào là giữ chữ tín? Vì sao chúng ta cần phải giữ chữ tín? Nêu ví dụ về biểu hiện giữ chữ tín và không giữ chữ tín mà em biết.

Câu 4: Thế nào là tôn trọng lẽ phải? Hãy nêu bốn hành động học sinh có thể thực hiện được để trở thành người biết tôn trọng lẽ phải.

Câu 5: Bài tập tình huống:

Tình huống 1: Nhà ông A và ông B là hàng xóm sát vách. Gần đây, nhà ông B mới mua một dàn karaoke nên thường xuyên sử dụng, đặc biệt là vào buổi từ 21h đến 23h. Mỗi lần hát, ông B mở âm lượng rất lớn, gây ồn ào và làm ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của hàng xóm bên cạnh. Sự việc diễn ra thường xuyên trong nhiều ngày nên ông A đã qua nhà ông B đề nghị ông hát karaoke trong những khung giờ thích hợp cũng như để âm lượng vừa phải để không làm ảnh hưởng đến giờ giấc sinh hoạt của mọi người. Tuy nhiên, sau khi nghe lời đề nghị, ông B đáp lại “Dàn karaoke là của nhà tôi, tôi hát cho nhà tôi nghe, không ảnh hưởng đến ai hết. Nếu ông không thích nghe thì bịt tai lại”

- a) Theo em, hành vi hát karaoke, mở âm lượng lớn của ông B vào khung giờ trên thể hiện điều gì? Cách xử sự của ông B trong tình huống trên là đúng hay sai? Vì sao?
- b) Nếu là ông A, em sẽ đáp lại lời của ông B như thế nào để thể hiện sự tôn trọng đối với ông B?

Tình huống 2: Trong giờ kiểm tra, H không học bài nên không biết làm. Thấy K đang cầm cúi làm bài, H đề nghị K cho mình chép bài, đổi lại H sẽ cho K quyển truyện mới của mình và mời K đi ăn.

- a) Em có nhận xét gì về hành động của H trong tình huống trên?
- b) Nếu em là K, em sẽ chọn cách ứng xử như thế nào?

Ban Giám Hiệu

Lê Thị Ngọc Anh

I. Nội dung bài học

1. Vẽ tranh : Minh họa truyện cổ tích
2. Vẽ tranh : vẽ chân dung

II. Yêu cầu cần đạt

HS được củng cố về các kiến thức: vẽ tranh minh họa và vẽ chân dung

III. Hướng dẫn ôn tập

1. Lí thuyết

- Thế nào là vẽ tranh minh họa?
- Cách vẽ tranh chân dung? cách vẽ đậm nhạt cho bài vẽ theo mẫu?

2. Thực hành

- Vẽ tranh minh họa theo truyện cổ tích:
 - + Hình thức: bài vẽ theo đúng theo đề tài
 - + Bố cục: hợp lí, hài hòa.
 - + Hình vẽ: đẹp, có ý nghĩa
 - + Màu sắc: tươi sáng, hài hòa màu sắc giữa các hình ảnh với nền
 - + Thể hiện sáng tạo, có tính thẩm mỹ
- Vẽ tranh chân dung:
 - + Hình thức: bài vẽ theo đúng theo đề tài
 - + Bố cục: hợp lí, hài hòa.
 - + Hình vẽ: đẹp, có ý nghĩa
 - + Màu sắc: tươi sáng, hài hòa màu sắc giữa các hình ảnh với nền
 - + Thể hiện sáng tạo, có tính thẩm mỹ

3. Yêu cầu thực hành

Thực hành trên khổ giấy A4

BAN GIÁM HIỆU
Ký duyệt

Lê Thị Ngọc Anh

Trường THCS Thanh Am

Năm học 2021-2022

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ

Môn: Giáo dục thể chất

KHỐI 8

I. Nội dung ôn tập

Bài thể dục phát triển chung 35 động tác(nam, nữ)

II. Yêu cầu:

Học sinh thực hiện được các động tác bài thể dục phát triển chung 35 động tác (nam, nữ).

Ban Giám Hiệu

Lê Thị Ngọc Anh

TRƯỜNG THCS THANH AM

Năm học 2021-2022

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ

Môn: Âm nhạc 8

I. Ôn tập bài hát:

- Bài hát *Mùa thu ngày khai trường*
- Bài hát: *Lí đũa bánh bò*

II. Ôn tập: tập đọc nhạc.

- TĐN số 1.
- TĐN số 2 .

Ban Giám Hiệu

Lê Thị Ngọc Anh